TRUNG TÂM UNESCO THÔNG TIN TƯ LIỆU LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Bùi Viện

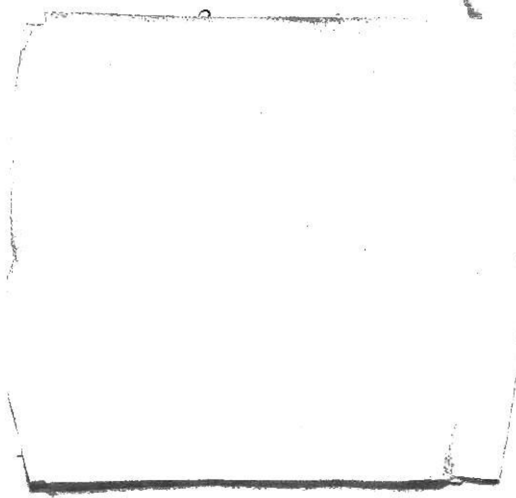
VỚI CUỘC DUY TÂN CỦA TRIỀU TỰ ĐỨC





NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

BÙI VIỆN VỚI CUỘC DUY TÂN CỦA TRIỀU TỰ ĐỨC



In theo bản in của nhà xuất bản Đại La - Hà Nội
năm 1945

PHAN TRẦN CHÚC

TUYỂN TẬP TRUYỆN LỊCH SỬ

BÙI VIỆN
với cuộc duy Tân của triều
TỰ ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2000

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Về việc tái bản một số truyện lịch sử của Phan Trần Chúc

Phan Trần Chúc là người viết tiểu thuyết lịch sử có nhiều tác phẩm xuất bản trước cách mạng năm 1945, có cuốn được tái bản trong vùng tạm chiếm thời kháng chiến chống Pháp. Cùng với Đào Trinh Nhất, Nguyễn Triệu Luật..., Phan Trần Chúc được bạn đọc trước kia đánh giá tốt, tiểu thuyết lịch sử của ông được nhiều nhà xuất bản phát hành và được bạn đọc ưa chuộng tìm đọc, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử, trở về với truyền thống dân tộc. Có những cuốn khi xuất bản được dư luận đánh giá cao, như : "Vua Hàm Nghi", Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức", "Ba Đình truyện ký"...

Hiện nay nhu cầu sách lịch sử rất cao trong các tầng lớp nhân dân. Học sinh, sinh viên, cán bộ đều thích đọc sách sử. Nhu cầu về sách sử hiện nay khá lớn mà sách mới viết lại có ít. Vì vậy, việc tái bản một số sách có giá trị trước kia là cần thiết. Tất nhiên, do các sách đó được viết cách nay khá lâu nên có thể có một số sai sót nhất định về tư liệu và nhận định, đánh giá. Khi tái bản, cần có một số đính chính, sửa chữa cần thiết, các đính chính, sửa chữa này chúng tôi đưa xuống chú thích để bạn đọc nắm kiến thức lịch sử một cách đúng đắn và cập nhật hơn.

Phan Trần Chúc từng viết khá nhiều cuốn, nhưng chỉ chọn 8 cuốn tốt để tái bản, đó là các cuốn :

1. Vua Hàm Nghi.

2. Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức.

3. Ba Đình truyện ký.

4. Trịnh Sâm và thời Lê mạt.

5. Nguyễn Tri Phương.

6. Vua Quang Trung.

7. Bằng quận công Nguyễn Hữu Chỉnh.

8. Cuộc đời chìm nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống.

Tin chắc rằng các cuốn được chọn tái bản sẽ có ích trong việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục lịch sử, giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân, từ học sinh đến cán bộ các ngành.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Có lẽ cuốn sách sớm nhất viết về Bùi Viện là của tác giả Phan Trần Chúc, lúc đầu lấy tên là Bùi Viện với Chính phủ Mỹ *do nhà xuất bản Đại La ấn hành cuối năm 1945. Sau đó, được nhà xuất bản Kiến Thiết in lại với tên mới* "Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức" *vào đầu năm 1946.*

Phải nói rằng các nguồn tư liệu về Bùi Viện cho tới nay vẫn còn rất ít, khiến cho một số người sau khi nghiên cứu về ông vẫn phải tham khảo cuốn truyện ký của họ Phan. Có điều lạ là ngay bộ sử lớn của Quốc sử quán triều Nguyễn là ***Đại Nam thực lục chính biên*** *(Đệ tứ kỷ) không hề nhắc tới tên Bùi Viện, trong khi thơ văn của các sĩ phu đương thời - trong số đó có nhiều đại thần triều Nguyễn phản ánh cuộc đời hoạt động của ông bằng những lời lẽ đầy ưu ái và cảm phục lại có nhiều, tại quê hương (nay là xã Trình Phố, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình) còn có một ngôi từ đường đã được công nhận di tích lịch sử, cho phép khẳng định Bùi Viện là một nhà canh tân lỗi lạc*

ở nước ta vào nửa sau thế kỷ XIX. Ông đã không dừng lại ở những đề nghị cải cách trên giấy tờ mà đã bắt tay hành động để thực hiện các đề nghị cải cách đó, và đã bắt đầu thu được những kết quả đầu tiên. Tiếc rằng cái chết sớm và đột ngột đã cắt đứt con đường sự nghiệp đầy hứa hẹn của ông đối với dân, đối với nước.

Lần này cuốn Bùi Viện với cuộc duy tân của Triều Tự Đức *của Phan Trần Chúc được in theo bản của Phan Trần Chúc năm 1946 của nhà xuất bản Kiến Thiết tại Hà Nội. Khi biên tập để tái bản, chúng tôi có thêm một số chú thích cuối trang để làm rõ thêm nội dung trình bày, hay đính chính một số sai sót về sự kiện lịch sử để giúp bạn đọc nắm chắc và đúng hơn. Đồng thời cũng có một vài tu chỉnh về hình thức.*

Rất mong bạn đọc xa gần góp ý để việc tái bản các tập tiếp theo được tốt hơn. Xin gửi tới bạn đọc lời chào trân trọng

Hà Nội, tháng 7-2000

Hội đồng Khoa học Trung tâm UNESCO
Thông tin Tư liệu Lịch sử và Văn hóa Việt Nam

I

Một danh sĩ nước Pháp là André Maurois đã quan sát rất đúng khi viết:

"Người thời bây giờ không chối cãi, không ngờ vực. Vì chối cãi với ngờ vực còn là biểu hiện của trí xét đoán.

Người thời bây giờ nhìn nhận mọi việc một cách cương quyết, không phải vì họ đã hiểu thấu những việc ấy mà vì người ta dạy họ như thế".

Về lịch sử Việt Nam cận đại, người ta dạy chúng ta những gì?

Trong quan sử[1] cũng như trong tất cả các cuốn sử đã xuất bản từ trước đến giờ, người ta đều buộc tội những người về thế kỷ XIX. Người ta tưởng như tất cả mọi người về thời ấy đều kiến thức hẹp hòi.

---

[1] Các bộ sử chính thức do cơ quan nhà nước biên soạn và xuất bản (B.T)

Người ta không thèm để mắt đến tập hồ sơ của cổ nhân.

Tập hồ sơ ấy, đến nay có lẽ phải chất lên hàng mấy chục xe. Một phần của nó đã được người ta thu thập vào Cổ học viện ở Huế hay thư viện của trường Bác cổ Viễn Đông[1]. Còn một phần khác, phần quan trọng hơn hết, thì rải rác ở khắp mọi nơi. Hãn hoặc, người ta bắt gặp nó trong gia phả của các danh gia, hoặc trên những tập thơ, văn mà người sau, vì lưu luyến cổ nhân, còn giữ lại làm gia bảo.

Những tập hồ sơ ấy, mà sự tình cờ đã giúp chúng tôi thu thập được, gây cho chúng tôi một quan niệm mới mẻ về "Triều Tự Đức". Vua Tự Đức không những đã gắng công tìm biết tình hình ngoại quốc bằng cách phái sứ giả đi các nơi như giao thiệp với các nước Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Tàu, Xiêm v.v... Nhà vua lại còn cho dịch những sách Thái tây[2] ra chữ Hán để ban phát cho triều thần. Những sách ấy cố nhiên không phải là những tiểu thuyết tình ái đã làm cho số đông thanh niên mê hoặc bây giờ. Những sách ấy hầu hết là chuyên môn và khảo cứu về đạn dược, cơ khí, binh bị v.v...

Hơn nữa, triều Tự Đức rất chú trọng vào việc phái thanh niên ra ngoại quốc du học. Để đào tạo nhân tài, triều ấy đã không ngần ngại gì hết, bỏ ra hàng trăm vạn

---

(1) Viện nghiên cứu văn minh-văn hoá các nước ở khu vực Viễn Đông do Pháp thành lập, trụ sở đóng tại Hà Nội (B.T).

(2) Chỉ các nước tư bản ở châu Âu (B.T).

quan để cấp học phí cho du học sinh.

Chứng cớ:

"Tháng mười năm Tự Đức thứ 31, triều đình thi hành nghị định cho con em các quan trên dưới hai mươi tuổi được sang Hương Cảng và sang Tây du học, tiền lộ phí Nhà nước chịu; hạn năm năm thì trở về nước: người nào học được một thứ tiếng và một nghề như đóng tàu, khai mỏ hay luyện quân chẳng hạn thì được đãi ngang với tú tài bổ cửu phẩm; người nào học được hai thứ tiếng và hai nghề thì đãi ngang với cử nhân không có phân số; người nào học được ba thứ tiếng và ba nghề thì đãi như cử nhân có phân số, đều bổ ra làm quan cả".[1]

Và, để thực hành cái nghị định trên, năm Tự Đức thứ 34, khi sai chức Lễ bộ Thị lang là Phạm Bính sang Hương Cảng bán lại hai chiếc tàu cũ (Lợi Tái và Thuận Tiệp) để đóng tàu mới, triều đình giao cho Bính cả cái trách nhiệm mang theo 12 thanh niên Việt Nam sang Hương Cảng nhờ một người Tàu tên là Thạch Thanh Tuyền nhận cho vào học tại trường Anh[2].

Ngoài ra thời thường triều đình còn cử ít nhiều người đã đứng tuổi ra ngoại quốc học các chuyên khoa, như năm Tự Đức thứ 33 phái một cửu phẩm y sinh sang Hương Cảng học nghề chủng đậu của người Anh. Và chẳng lo tốn kém những món tiền lớn, vua Tự Đức đã phái ít nhiều

---

[1] *Quốc triều chính biên toát yếu*, quyển 5, trang 104.

[2] *Quốc triều chính biên toát yếu*, quyển 5, trang 107.

người có học thức đầy đủ ra xem động tĩnh của các nước ngoài. Lệ ấy sở dĩ có là vì "*nhà vua (Tự Đức) nghĩ rằng trong khoảng hai triều Minh Mệnh và Thiệu Trị thường phái thương thuyền ra ngoại quốc để mua hàng hoá và thám sát. Nhưng gần đây, việc đó đình chỉ, thành ra không thấy biết gì nữa về hành vi của liệt quốc nên lại hạ lệnh cho viện Thương Bạc hợp với hai bộ Hộ và Công xem xét để sang năm cho người đi ngoại quốc*".

Những nghị trên này (phái người xuất dương du học và thám sát) chứng rằng trong ba mươi sáu năm ngồi ghế nguyên thủ của nước Việt Nam, vua Tự Đức đã làm trọn phận sự với không biết bao nhiêu nỗi lo âu.

Nếu những người đi du học về không làm được đúng như chỗ kỳ vọng của dân nước là lỗi của họ. Song giữa các học sinh và phái viên mà sự bất tài đã làm cho tên tuổi bị chôn vùi trong các hố thời gian, cuộc xuất dương về triều Tự Đức tình cờ đã đào tạo nên một kỳ tài. Kỳ tài đó là Bùi Viện, một nhà nho kiêm chính trị, kiêm kinh tế, kiêm hàng hải và ngoại giao, đã lê gót giầy đi gần khắp năm châu trong lúc chín mươi chín phần trăm người Việt Nam chưa chịu tin rằng ngoài nước mình và nước Tàu ra, trong trời đất còn có thể có nhiều nước nữa có kiến thức và khôn ngoan hơn chúng ta nhiều lắm.

Sau khi đã du lịch gần khắp thế giới, Bùi Viện nhiệt tâm mang sự kinh nghiệm về xây dựng cuộc cường thịnh của nước nhà. Nhưng trí lớn mà mệnh đoản, bản thân ông đã bị khước bỏ ra ngoài ánh sáng mặt trời trước khi cái chương trình vĩ đại của ông tới chỗ thành công.

II

Bùi Viện người làng Trịnh Phố, tổng An Bồi, huyện Trực Định (nay đổi là phủ Kiến Xương)[1], tỉnh Thái Bình.

Là giòng dõi một nhà nho nghèo, ông thân sinh ra Bùi Viện làm nghề dạy học. Và học vấn xưa kia vốn là việc mà người ta tôn trọng, nên ông đồ hay chữ này, tuy không đủ ăn, nhưng đã được thừa sự kính nể của các sĩ phu trong hạt.

Bùi Viện nhờ đấy mà được học. Năm Giáp Tý (Tự Đức thứ 17) ông và em ông là Bùi Phủng cùng đỗ tú tài.

Sau mấy phen lảo đảo ở trường ốc, năm Mậu Thìn, nhờ có ân khoa, Bùi Viện mới đỗ cử nhân, nghĩa là bước chậm hơn Bùi Phủng một năm, vì Bùi Phủng đỗ từ năm Đinh Mão (Tự Đức thứ 20).

Ngay năm ấy, Viện và Phủng, nhờ được thân bằng tư

---

[1] Nay thuộc huyện Tiền Hải (B.T).

giúp, cùng vào Huế, định tranh cờ, biển để trả nợ sách đèn. Nhưng sự thành bại ở trường ốc thường ở ngoài chỗ sở liệu của mọi người. Hai khoa Mậu Thìn và Kỷ Tỵ, anh em họ Bùi cùng lạc đệ!

Bùi Phủng bất đắc chí bỏ về Bắc để phụng dưỡng cha già. Duy còn Bùi Viện vẫn nấn ná ở lại Kinh thành.

Cái sự nghiệp phi thường của ông bắt đầu từ đó.

*

* *

Ở Huế, Bùi Viện tập văn tại Quốc tử giám. Chức Tế tửu hồi đó là Vũ Duy Thanh tức Vĩnh Xuyên, hoặc cũng gọi là Trạng Bồng. Vì Vũ Duy Thanh là một nhà túc nho, tuy thi đỗ Bảng nhãn, nhưng được vua Tự Đức rất tin trọng và phê "Bảng nhãn diệc như Trạng nguyên". Cái tên Trạng Bồng của Vũ Duy Thanh gốc tự đó.

Cha Bùi Viện là bạn đồng học với Vũ Duy Thanh nên khi túi đàn cặp sách lên đường, Viện được cha uỷ thác cho quan Tế tửu Vĩnh Xuyên và suốt thời kỳ ở Kinh, Viện đều ngụ tại nhà quan Tế tửu. Trong những vị đại thần qua lại nhà Vũ Duy Thanh có Lê Tuấn, người Quảng Bình[1], giữ chức Tham tri bộ Lễ, Viện được Vũ Duy Thanh giới thiệu với Lê Tuấn. Trong lúc nói chuyện, Tuấn thường hỏi về tình hình xứ Bắc kỳ. Bùi Viện nhất nhất mang những chỗ

---

[1] Đúng ra Lê Tuấn người huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh (B.T)

thấy, biết của mình ra bẩm, lời nói rất hoạt bát và Bùi Viện vốn hơn nhiều nhà nho khác ở chỗ biết tôn trọng những việc thực tế, hơn là từ chương nên được Lê Tuấn hết sức tin yêu và hứa sau này có cơ hội sẽ để tâm cất nhắc hộ.

Về triều Tự Đức, Bắc kỳ là một mối lo lớn của triều đình Huế.

Hồng Tú Toàn bị Tăng Quốc Phiên đánh thua[1]. Những dư đảng của Thái Bình thiên quốc[1] một phần tràn sang xứ Bắc kỳ. Tay kiệt hiệt hơn cả là Ngô Côn, dưới quyền có những danh tướng như Hoàng Sùng Anh, Lưu Vĩnh Phúc. Triều đình nhờ tài Ông Ích Khiêm trừ được Ngô Côn. Nhưng sự tranh giành nhau quân quyền đã chia rẽ Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Sùng Anh. Lưu (Cờ đen) chiếm cứ miền Hưng Hoá; Hoàng (Cờ vàng) hoành hành ở Tuyên Quang. Hai người lập thế chống nhau, gây cho dân quê Việt Nam một cái ách thật lớn, nó còn nguy hiểm hơn Ngô Côn khi trước.

Ngoài bể thì giặc Tàu ô vùng vẫy. Trong hải phận xứ Bắc kỳ có mấy tay cừ khôi hơn cả là Áng Cống Sinh, Băng Nha Hồng. Thủ đoạn của chúng là cướp của, giết người và bắt đàn bà, con trẻ để lấy tiền chuộc.

---

[1] Hồng Tú Toàn thủ lĩnh phong trào nông dân rộng lớn nhất trong thời kỳ lịch sử cận đại Trung Quốc là phong trào Thái Bình thiên quốc; sau bị triều đình nhà Thanh có sự câu kết với đế quốc Anh thẳng tay đàn áp, rồi tiêu diệt. Tăng Quốc Phiên là đại thần của triều Thanh.

Những tay vong mệnh trong nước cũng nhân lúc rối loạn mà nổi lên. Quản Thoả, quản Uy, quản Cáo và nhất là quận Tề đã gây sự khủng bố giữa cuộc sinh hoạt yên ổn và phẳng lặng của dân quê Việt Nam.

Quận Tề, chính tên là Quảng Văn Tề, người làng Liên Hà, huyện Cát Bà, tỉnh Quảng Yên.

Tề lấy cái danh nghĩa tôn phù nhà Lê mà khởi binh. Quan địa phương đánh mãi không nổi, phải tâu về cáo cấp triều đình. Vua Tự Đức sai Lê Hữu Thường làm Đổng lý quân vụ và Văn Đình Khuê làm Tham tán ra dẹp quận Tề.

Hồi đó, Nguyễn Tri Phương đương làm Kinh lược Bắc kỳ. Theo lễ, Thường và Khuê đến yết kiến Nguyễn Tri Phương.

Phương thấy hai người đều là quan văn cả, thất vọng nói:

- Các ông toàn là khoa bảng xuất thân, đánh sao nổi quận Tề là một tay trí dũng có thừa, chung quy rồi lại cũng chỉ đến thua chạy và làm tăng thanh thế cho giặc.

Thường và Khuê đều là những bậc đại khoa. Trái lại, Nguyễn Tri Phương xuất thân là một tên tiểu lại. Hai người lấy làm nhục về những câu nói khinh miệt mình nên ước với nhau là liều mạng cố đánh, chỉ có chết chứ không có thoái.

Trận đó, quả nhiên Lê Hữu Thường thân đứng thúc trống giục quân và Văn Đình Khuê xông vào trận giặc, nên cả hai cùng chết trận và triều đình thua to.

Giữa cái tình thế nguy ngập đó, triều đình cử Lê Tuấn ra làm Thị sư đốc quân ở Bắc kỳ.

Lê Tuấn là người Trung kỳ, không hiểu gì hết về tình hình ở biên cảnh, cố nhiên phải tìm một người thông thạo để chỉ dẫn cho mình.

Người đó là Bùi Viện.

Tạm biệt lớp không khí yên lặng và u uất của sông Hương, Bùi Viện đồng thời từ giã cả ngọn bút mà cất lấy lưỡi gươm, một cái lợi khí thứ hai nó đã giúp ông cử họ Bùi leo lên chiếc thang võng lọng.

Thoạt đầu, Lê Tuấn giao cho Bùi Viện việc tế tiếp quân lương. Việc này không phải dễ. Vì Nhà nước, luôn mấy năm đương đầu với giặc, quân lương luôn luôn phải cung ứng, chẳng bao lâu kho tàng đã sạch trơn.

Bùi Viện ở vào một tình thế rất khó khăn. Tuy vậy, ông vẫn khéo thu xếp, làm cho việc đến thành công. Lê Tuấn nhờ đấy, không phải lo gì về lương thực nữa, được chuyên tâm mà dẹp giặc.

Thấy Bùi Viện là người đắc lực, Lê Tuấn liền giao cho ông việc do thám nội tình của địch quân.

Trong một thời gian rất ngắn, Bùi Viện đã trút bỏ cái tính cách nhà nho mà xông pha tên đạn và chẳng từ một việc gì nguy hiểm không làm.

Viện dùng lời nói khôn khéo dụ dỗ những vây cánh của giặc, rồi lại dùng ngay bọn ấy làm nội công. Bọn Quản Uy và Quản Cáo bị trong đánh ra, ngoài đánh vào, đều tan vỡ cả.

Không bao lâu, Bùi Viện đã được theo Lê Tuấn vác ngọn cờ chiến thắng mà trở về Phú Xuân.

Khi qua cửa ải Hoành Sơn[1] cái khí tự hào của ông đã phát ra bằng mấy câu thơ:

Sinh tại quân thần, phụ tử gian,
生在君臣父子間
Tân toan ẩm hận quá Hoành San.
辛酸飲限過橫山
Đề kiều bất tự Trường Khanh thệ,
題橋不似長卿誓
Bất tố kỳ nam bất xuất quan.
不做奇男不出關
Gánh nặng hai vai đạo hiếu trung,
Qua Hoành Sơn những xót xa lòng.
Đề cầu vốn bỉ chàng Tư Mã,
Chí quyết hơn người vượt bể Đông.

---

[1] Đèo Ngang nằm giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình (B.T).

III

Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,

Thiên kim tán tận hoàn phục lai[1]

Hai câu trên này - trích trong bài "**Tương tiến tửu**" của Lý Thái Bạch - thường chỉ là những câu nói khéo mà nhiều nhà nho đã mang ra để an ủi vợ và an ủi mình.

Nhưng đối với Bùi Viện, nó đã đi đôi với sự thực một trăm phần trăm.

Trao trả triều đình lá cờ chiến thắng, Bùi Viện đương có hy vọng được hưởng cái thú ngâm hoa vịnh nguyệt trên dòng nước bình tĩnh của sông Hương thì lại tiếp được thư của Doãn Uẩn gọi ra Bắc hà.

Doãn Uẩn là một trong những danh thần về triều Tự Đức.

Hồi đó Doãn Tướng công giữ chức Nam Định Doanh

---

[1] Trời sinh ra ta có tài tất sẽ có lúc dùng. Ngàn vàng mất hết rồi sẽ có ngày trở lại (B.T).

điền sứ chuyên việc mở mang và khai khẩn ruộng đất để tăng trình độ sinh hoạt cho dân, như Nguyễn Công Trứ khi xưa. Những việc quan trọng mà triều đình cho Doãn Uẩn là sáng lập cửa bể Hải Phòng, chỗ mà người đương thời gọi bằng một cái tên rất tầm thường là bến Ninh Hải.

Trời sinh ra tất nhiên có lúc dùng đến, ngàn vàng tiêu hết rồi lại có.

Bến Ninh Hải là một thôn nhỏ thuộc địa phận tỉnh Hải Dương, gần với cửa Cấm.

Cho mãi đến đời Tự Đức, người Việt Nam tuyệt nhiên không ai để ý đến cái địa điểm nhỏ mọn này. Ninh Hải chỉ là chỗ hội họp của mấy nhà thuyền chài kiếm ăn ngoài bể hoặc trên các sông con. Giang sơn của họ là mấy chiếc lều tranh, ẩn dưới bụi lau rậm, phủ lấy những đống bùn lầy chạy suốt miền duyên hải.

Công việc mà Doãn Doanh điền sứ trao cho Bùi Viện là đổi đống bùn lầy Ninh Hải làm một hải cảng trong có thành phố, có cơ quan Chính phủ như Thương chính và nhất là những đường lối ở cả trên bộ lẫn dưới nước, để làm một thương cảng kiêm quân cảng, có thể làm cửa ngõ của xứ Bắc kỳ và là nơi giao thiệp với các nhà buôn ngoại quốc.

Với công cuộc kiến thiết của Doãn Uẩn, cũng như công cuộc phá hoại của Lê Tuấn, Bùi Viện đã trả ơn tri ngộ bằng tấm lòng nhiệt thành. Chỉ trong khoảng một tuần, ông đã mộ được hơn hai trăm binh sĩ, cấp y phục, khí giới cho họ và dẫn đến yết kiến Doãn tướng công.

Để đạt tới mục đích, Bùi Viện phải cùng một lúc làm cả hai việc: xây dựng và đánh dẹp.

Ban ngày, ông đốc thúc dân phu đào sông để tháo nước ra bể và vượt đất lên làm vườn, ruộng hoặc làm nền móng cho các phủ đệ sau này. Rồi, đêm đến lại phải phòng ngự giặc Tàu ở ngoài bể tràn vào, hoặc những thổ phỉ từ trong nổi lên, cướp phá dân gian, tức là gián tiếp phá hoại những công cuộc kiến thiết của Chính phủ.

Việc thứ hai này, sự thực đã quan trọng hơn việc trên.

Vì quận Tề mà triều đình chưa trừ được hẳn, lại nổi lên, đánh phá miền Hải Dương. Tề vây tỉnh lỵ rất gấp, ngày ngày ngồi trên kiệu, chung quanh có bốn lọng vàng, thúc quân đánh thành.

Tỉnh thần thế yếu lại phải cáo cấp về triều.

Vua Tự Đức sai Tôn Thất Thuyết mang quân ra tiễu, giải vây cho tỉnh lỵ. Quận Tề phải lui về Đông Triều và Chí Linh.

Dân hai huyện này cực khổ về cái ách quận Tề, mà Bùi Viện cũng vì thế phải giao việc kiến thiết bến Ninh Hải (Hải Phòng) cho người khác, để theo Doãn Uẩn đi dẹp giặc.

Quận Tề, nhân những cuộc đắc thắng về trước, mỗi ngày một thêm kiêu ngạo. Một hôm, cũng trong một trận vây hãm quan quân tại miền Hải Dương, Tề ngồi trong một cỗ xe mà đốc chiến. Không may một viên đạn lạc trúng phải xe: Tề chết. Nhưng quân triều đình chưa kịp

giải tán quân Tề thì vợ Tề lại nổi lên mà thân ra chỉ huy quân đội.

Người đàn bà này là một trong những vị cân quắc anh hùng, nhưng thế lực hồi đó đã kém, không bao lâu bị bắt. Khi giải mụ đàn bà này về tỉnh Hải Dương để chém, đàn bà con trẻ đi xem rất đông. Vợ quận Tề, từ trong cũi nhìn ra, bảo các bạn gái:

- Cầm gươm lên ngựa không phải là việc của đàn bà. Chỉ vì thù chồng mà phải xông pha tên đạn. Các em đừng bắt chước chị, nên về thờ chồng nuôi con cho phải đạo.

Triều đình trừ được cái ách quận Tề.

Bùi Viện cũng nhờ đó mà được hưởng một cuộc nghỉ ngơi tạm bợ.

IV

Bùi Viện là một nhà văn.

Nhưng là nhà văn bất hạnh đã sinh vào thời loạn.

Ông muốn tìm sinh thú trong ngọn bút, nhưng lưỡi gươm và viên đạn vẫn chờ sẵn ở sau lưng, cố níu ông ra.

Vì cuộc nội loạn đã dẹp gần yên, nhưng cuộc giao thiệp giữa triều đình Huế và ngoại quốc càng ngày càng thêm nghiêm trọng.

Vì phong trào tìm đất thực dân ở Âu châu tuy bị đình đốn một hồi vì cuộc quốc gia cách mạng ở Pháp[1], nhưng lại trở nên rất mãnh liệt, sau khi ký xong Hoà ước Francfort. Và các nhà doanh nghiệp ở Paris đều đồng ý là nước Pháp cần phải có một căn cứ ở Viễn Đông. Mà căn cứ ấy thì không đâu bằng nước Việt Nam. Vì xứ này ở vào ngã ba của hai cái bể lớn là Thái Bình Dương và Ấn Độ

---

[1] Cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789 (B.T)

Dương. Ngoài ra, chúng ta lại ở trên một khu đất rất tiện lợi cho việc thương mại và phì nhiêu. Hay nói theo nhà thám hiểm Tavernier: "Bắc kỳ đầy những tương lai và có một cái địa thế rất tốt để trở nên trung tâm điểm của nền thương mại quốc tế".

Một nhà truyền giáo là linh mục Tissanier cũng cùng một ý ấy, khi viết:

"Đông Kinh[1] là một xứ của tương lai, chóng chầy người Âu châu sẽ lưu ý đến. Xứ này đất cát phì nhiêu, có nhiều sông ngòi rất tiện cho việc giao thông, lại ở liền ngay với nước Tàu. Mấy điều đó báo trước rằng một ngày kia Đông Kinh sẽ rất phồn thịnh và trở nên chỗ căn bản của một nền thương mại rất hoạt động".

Theo cố Tissanier thì việc người Âu châu đến lập nghiệp ở xứ này chỉ còn ở trong giờ, khắc.

Nhưng còn trước hai nhà quan sát trên này đến gần một trăm năm, nghĩa là vào trung gian thế kỷ XVII, một giáo sĩ khác - cũng người Pháp - là cố Alexandre de Rhodes, khi đến truyền giáo ở hai xứ Bắc và Nam hà cũng đã xem xét được rất tường tận cái nội tình của nước Việt Nam.

Trở về Paris, ông có xuất bản một cuốn sách đề là "*His'toire du Royaume du Tong kin*"[2] mà mỗi ý tưởng, mỗi dòng chữ đều có thể gây cho người Pháp một mối cảm tình

---

[1] Bắc kỳ (Tong Kin)

[2] Lịch sử Vương quốc Bắc kỳ" (B.T.)

đằm thắm với cái xứ xa lạ này.

Về thổ sản, ông viết:

"Ở đấy giống ngựa đẹp và nhiều lắm. Người ta lại nuôi để nhà vua dùng tới năm trăm con voi. Thịt voi non ăn rất thú. Tại xứ này, người ta không thấy có cừu và sư tử, nhưng nhiều tỉnh có rất nhiều gấu, hươu và hổ. Các rừng rú ở biên giới thì đầy những khỉ; chúng kéo ra càng đông hàng ba, bốn trăm con. Các nhà làm ruộng coi chúng như thù địch, vì sau khi đã ăn no rồi, chúng lấy rơm buộc chung quanh thân thể làm một cái thắt lưng, rồi cấu những bông lúa cài vào mà trở về hang. Ở đây tôi chỉ thấy có một con lừa mà người bản xứ coi như quái vật vậy. Nhưng không còn gì sẵn bằng bò, gà, chim câu v.v...".

Linh mục Saint Phalles và nhiều nhà truyền giáo hoặc thám hiểm khác về hai thế kỷ XVII và XVIII cùng đến tán tụng hai nước "Tong Kin" và "Cochinchine"[1]. Người ta quen thuộc xứ này quá, đến nỗi ở Paris về cuối thế kỷ XVIII đã có 2 người có sáng kiến lập ra một hội chuyên khảo sát về Đông Dương, nghĩa là Việt Nam và mấy nước ở Nam hải, mệnh danh là "Société académique indochinoise"[2].

Jean Dupuis, người Pháp đầu tiên đến doanh nghiệp ở

[1] Bắc kỳ và Trung kỳ (B.T.)

[2] Viện Hàn lâm Đông Dương (B.T).

Bắc kỳ sau này, chính là hội viên và một trong những người đã chịu ảnh hưởng của hội ấy.

*

* *

Một buổi chiều về mùa thu - đã cách gần đây 60 năm - mặt trời vừa khuất sau trái núi Yên Tử. Trên vịnh Bắc kỳ, hơi nước bốc lên lờ mờ, rồi lẫn với bóng tối thì từ đằng xa một đoàn thương thuyền bị sức gió thúc mạnh, từ từ dạt vào trong vịnh.

Đoàn thương thuyền đó là của Jean Dupuis, một nhà thám hiểm người Pháp.

Jean Dupuis cũng nghe nói, như các nhà thám hiểm khác, là sông Hồng Hà - con sông chảy dọc xứ Bắc kỳ- phát nguyên ở Vân Nam và đi ngược sông ấy người ta có thể tới Nam bộ nước Tàu.

Không nề nguy hiểm, Jean Dupuis quyết định thám hiểm trên sông Hồng Hà. Rồi năm 1872, ông mang mấy con thuyền mỏng manh từ Sài Gòn ra bỏ neo ở Ninh Hải. Nhưng từ ngoài bể trông vào, cũng chiều thu đó, Jean Dupuis và thuỷ thủ của ông chỉ thấy một bãi bùn lầy vô hạn mà ngọn triều vừa bỏ lại, dưới ánh trăng sáng nhạt.

Nhờ một người hoa tiêu Khách[1] chỉ đường, Jean

---

[1] Người Hoa kiều (B.T).

Dupuis cho thuyền vào sông Bạch Đằng. Nhưng thuyền vừa đi khỏi tỉnh lỵ Quảng Yên thì mặt sông hiện ra nhiều trái núi, góp lại thành một bức tường lớn ngăn lấy mặt nước. Sợ vào sâu hơn chút nữa thì bị nguy hiểm. Jean Dupuis vội cho quay mũi thuyền ra cửa Nam Triệu, rồi sẽ sang cửa Cấm. Tới ngã ba sông Tam Bạc, Jean Dupuis cho neo thuyền lại, đổ bộ.

Chỗ mà Jean Dupuis bước xuống đầu tiên chính là bến Ninh Hải - hoặc thành phố Hải Phòng bây giờ - một công trình kiến trúc của Bùi Viện.

Lấy Ninh Hải làm chỗ căn cứ, Jean Dupuis lần theo sông Nhị Hà, đi ngược lên Hà Nội, nhà thám hiểm này nói là tìm lối sang Vân Nam.

Công việc của Jean Dupuis nhất nhất có trình bày với Đô đốc Dupré là thống đốc Nam kỳ. Cho nên trong hai bức điện gửi về quan Tổng trưởng bộ Hải quân Pháp vào tháng Avril và Mai 1878[1] ông Dupré đều thuật lại việc Jean Dupuis tìm thấy "chìa khoá" của xứ Bắc kỳ. Ông nói nếu Bắc hà xảy ra chiến tranh và oai quyền của nhà Nguyễn mất thì không khỏi có nguy hiểm cho nước Việt Nam và thiệt thòi cho nước Pháp. Theo ý ông Dupré thì nước Pháp nên cần kíp kết liên với vua Tự Đức và giúp ông ấy bảo toàn xứ Bắc kỳ.

Đó là ý muốn của quan Thống đốc.

---

[1] Tháng 4 và tháng 5 dương lịch (B.T).

Nhưng thời cục đã chuyển biến theo một phương hướng khác hẳn.

Chức Kinh lược Bắc kỳ là Nguyễn Tri Phương, lúc đầu để cho Jean Dupuis đi lại được dễ dàng. nhưng sau thấy nhà thám hiểm này tự ý vào sâu quá, ông liền hạ lệnh cho quan địa phương làm trở ngại công việc của Jean Dupuis. Nguyễn Tri Phương lại mật tâu về triều đình Huế những cử động của Jean Dupuis, trong khi nhà thám hiểm này xông xáo vào các tỉnh ở triền sông Nhị.

Vua Tự Đức, vì muốn tránh cuộc chiến tranh nên khuyên Nguyễn Tri Phương nên xử trí một cách thận trọng và để tâm dò xét những hành động của Jean Dupuis.

Tuy vậy cuộc xung đột vẫn xảy ra giữa Jean Dupuis và Nguyễn Tri Phương.

Quan Thống đốc Nam kỳ phải cử Đại uý Francis Garnier ra dàn xếp.

*

* *

Bùi Viện là người làm chứng bất lực trước sự chuyển biến của thời cục

Ông có một ý tưởng riêng: nên dùng chính sách hoà bình và giao thiệp với các nước ngoài; sự bạo động sẽ đưa nước Việt Nam tới một cái tình hình nguy khốc.

Ý tưởng đó Bùi Viện mang ra bàn với Lê Tuấn. Họ Lê

cũng không nghĩ khác nên thảo thành biểu văn tiến cử Bùi Viện với triều đình. Viên cử nhân này, nhất đán trở nên một bề tôi thân tín của nhà vua.

Đó là một dịp may cho Bùi Viện. Nhưng rất không may cho nước Việt Nam. Vì cuộc chiến tranh mà không ai muốn, thốt xảy ra.

Hà Nội và mấy thành lớn ở Bắc kỳ như Nam Định, Hải Dương v.v... đều vào tay đại uý Françis Garnier! Các thành khác quân lực không có giá trị gì hết- trong chốc lát sẽ về tay nước Pháp.

Chỉ còn có một cách: cầu hoà. Vì, như một vết dầu, mối nguy hiểm lan mạnh ra, chứ không hy vọng gì nó thu hẹp lại.

Nhưng ai có thể đảm nhiệm được việc điều đình với nước Pháp?

Ngoại giao, triều đình cho là một vấn đề rất quan trọng. Vì viên đại biểu sau này của Nam triều phải đi tới mục đích: lấy lại mấy tỉnh Bắc kỳ và nhất là giữ luôn được thể diện cho dân tộc Việt Nam tuy triều đình Huế vẫn đứng vào thế yếu.

Người ta nghĩ đến Lê Tuấn.

Lê Tuấn không những là một nhà túc nho - như số đông quan lại đương thời - mà lại còn có tính cương trực, khiến cho các bạn đồng liêu kính nể.

Lê Tuấn đi sứ.

Nhưng trước khi lên đường, ông không quên Bùi Viện,

người đã đưa ông đến sự thành công khi ra dẹp giặc ở Bắc kỳ.

Lê Tuấn xin cho Bùi Viện gia nhập vào sứ đoàn.

Vua Tự Đức đã biết cái tài của Bùi Viện nên thuận cho.

Nhưng Bùi Viện hồi đó đã về thăm nhà. Trái lại, sứ đoàn phải cần gấp vô Nam.

Triều đình viết thư gọi Bùi Viện. Nhưng Lê Tuấn vẫn lên đường.

Tại Sài Gòn, cuộc hội đàm của Thống đốc Dupré với Lê Tuấn thấm thoát không đầy một tuần, Dupré ưng trả Bắc kỳ và gọi Françis Garnier về.

Lê Tuấn thuận mở sông Hồng Hà làm con đường thông thương, là điều sở nguyện của Jean Dupuis.

Lê Tuấn sắp sửa quẩy gánh ra về.

Bùi Viện, theo lời gọi của triều đình, cũng vừa vào tới Huế.

Thì tin đâu sét đánh ngang trời: Lê Tuấn chết.

Bùi Viện mất một người tri kỷ. Ông chỉ còn có cách dùng lời văn để đáp lại cái ơn tri ngộ của người đã tiến cử mình.

Khi Thống đốc Nam kỳ cho pháo thuyền đưa di hài của Lê Tuấn về Huế, Bùi Viện đã tạ người thiên cổ bằng câu đối sau này:

Thánh chúa đãi thần ân thậm hậu,
Đại nhân mưu quốc cục tương hoàn.

V

Hoàng thượng đãi người ơn rất hậu
Đại nhân giúp nước việc gần êm.

Tuy nhiên câu đối của Bùi Viện phúng Lê Tuấn chỉ cốt ở chỗ đẹp lời trong từ chương.

Sự thực khác hẳn.

Sự thực Lê Tuấn tuy chết, nhưng vấn đề ngoại giao cũng vẫn khó khăn như khi Lê Tuấn hãy còn.

Vậy nếu nước Việt Nam muốn hưởng một cuộc hoà bình lâu dài, cần phải chú trọng vào một vấn đề ở ngoài chính sách ngoại giao. Vấn đề ấy là làm cho nước Việt Nam mạnh.

Để đạt tới mục đích này, những nhà nho có óc minh mẫn của triều đình đã họp nhau lại thành đoàn thể gọi là Tân đảng mà tôn chỉ là mưu cách tự cường cho nước Việt Nam. Tân đảng gồm đủ người các giới: quan lại như Nguyễn Tư Giản (Lại bộ thượng thư), tu hành như Đặng

Đức Thuận, ngoại giao như Nguyễn Trường Tộ và những người xưa nay không có trách nhiệm gì ở triều đình hết như Hoàng Phan Thái và Bùi Viện.

Nhà vua nhận cuộc cải cách là cần.

Nhưng trước khi thực hành cuộc cải cách, tất nhiên cuộc cải cách đó sẽ đi theo phương hướng nào, nghĩa là phải cử một người có kiến văn và nhất là có tư tưởng khoáng đạt ra du lịch ngoại quốc để làm tai mắt đầu tiên cho dân nước.

Người được cử chính là Bùi Viện.

Một cái vinh dự cho họ Bùi. Nhưng là thứ vinh dự khí nguy hiểm. Vì ông được quyền vượt bể đi hoặc đến bất cứ một nước nào. Giang sơn của ông là một chiếc thuyền con với vài người thủ túc.

Trong khi chờ để lái cái thuyền Việt Nam, Bùi Viện đã phải tự lái lấy một chiếc thuyền nan hết sức mỏng mảnh, trên những ngọn sóng tầy đình, chở ông ra ngoài bể rộng.

Tháng bảy năm Tự Đức thứ hai mươi sáu

Dưới những giọt mưa hoặc cũng là giọt nước mắt của đôi vợ chồng Ngâu[1] ở Huế - nó có vẻ ảm đạm và u sầu hơn những vợ chồng Ngâu ở đâu hết - Bùi Viện nâng chén rượu tiễn hành của các bạn đồng liêu.

---

[1] Câu chuyện hai vợ chồng Ngưu Lang - Chức Nữ mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần, trước khi chia tay khóc lóc thảm thiết thành mưa (mưa Ngâu) vào tháng 7 âm lịch (B.T)

Trong lúc tửu hứng và chợt nghĩ đến tương lai của mình, Bùi Viện đã đánh dấu ngày từ biệt nước nhà bằng mấy vần thơ:

愧負明朝士
Quý phụ minh triều sĩ,
翩從海國遊
Phiên tòng hải quốc du,
屏山紅日近
Bình sơn hồng nhật cận,
嵬嶺白雲浮
Côi lĩnh bạch vân phù.
身世綱常重
Thân thế cương thường trọng,
梯航跋涉悠
Thê hàng bạt thiệp du,
皇靈風浪帖
Hoàng linh phong lãng thiếp,
秋水一行舟
Thu thuỷ nhất hành chu.
(Hổ tiếng người đời thánh,
Băng mình vượt biển khơi,
Vừng hồng non Ngự dọi,
Mây trắng núi Cô phơi.
Cương thường thân gánh vác,
Sóng gió bước chơi vơi,
Phúc chúa trời yên ổn,
Dòng thu thẳng nẻo bơi).

Lên đường, cái gánh hành lý nghèo nàn của Bùi Viện đã tăng thêm được một vật mới: thơ.

Vì mỗi triều thần - của một triều đình văn học - đã tặng họ Bùi mấy vần thơ để làm món tiêu khiển cho bạn, trong khi một thân bị chơi vơi ở giữa chốn trời cao bể rộng.

(Của Hộ bộ Thượng thư Phạm Trúc Đường[1]

麥 西 新 港 又 東 流

Mạch tây tân cảng hựu đông lưu,

瀛 海 滔 滔 合 四 洲

Doanh hải thao thao hợp tứ chu,

宇 宙 無 窮 元 日 闢

Vũ trụ vô cùng thiên nhật bích,

一 行 秋 水 外 方 遊

Nhất hành thu thuỷ ngoại phương du.

(Mạch tây cảng mới nước xuôi dòng,
Bốn cõi doanh bàn một lối thông,
Bầu trời thăm thẳm bao la rộng,
Muôn dặm làn thu thẳng ruổi rong).

Của Lại bộ Thượng thư Nguyễn Tư Giản (Tuyết tiều)

Hà sự từ gia cửu,
Cư nhiên bão thế ưu.
Trắc thân thiên địa khoát,

---

[1] Phạm Phú Thứ (B.T).

Lịch huyết quỷ thần mưu.
Đàm tiếu tài nan tận.
Đằng khiên chí vị thù,
Phong vân quan tái bắc
Cô nhạn mạc yêm lưu.

(Vắng nhà sao mãi thế,
Khảng khái tự lo đời.
Nghiêng mình trời đất rộng,
Rõ máu quỷ thần soi.
Cười nói tình khôn tỏ,
Vẫy vùng chí chửa xuôi.
Gió mây buồn ải bắc,
Nhạn lẻ về chưa rồi).

Của Nội các Tham biện Bùi Dị:

Văn quân điệc hoả sĩ,

Phùng kim tân dữ du.

Giang sơn thu khí tảo,

Thiên địa thử sinh phù.

Lữ mộng thiên ưu tập,

Chinh nhân vạn lý sầu.

Thuý Vân cô tửu biệt,

Hoành hải vọng qui chu.

(Nghe bác người hào hiệp,
Gặp nay mới kết chơi.
Non sông tài lỗi lạc,
Trời bể sóng chơi vơi.
Đất khách bao lo nghĩ,
Người đi ngại tuyệt vời.
Thuý Vân nâng rượu tiễn.
Bể rộng ngóng thuyền ai)

Trái với lời một vài nhà làm sử, vua Tự Đức, ông "vua văn sĩ" rất nhiệt thành với các cuộc tiến thủ, không luận những cuộc đó ở vào địa giới nào.

Muốn khuyến khích một người bề tôi đã chẳng tiếc thân gia và tính mệnh để phụng sự tổ quốc, trước khi Bùi Viện lên đường, vua Tự Đức chờ sẵn ở Thuý Vân sơn. Trên một trái núi u tịch và trực tiếp với những cảnh tự nhiên của tạo hoá, nhà vua nhận lễ bái biệt của sứ giả họ Bùi.

Không nên sơ suất ra lời nói để người ngoài biết cái thực trạng kém cỏi của mình, không nên quá tiết kiệm về tiền tài để hại đến quốc thể: đó là những câu dặn dò của

vua Tự Đức, mỗi khi phải khuyên răn một sứ giả.

Từ Thuý Vân sơn, Bùi Viện xuống thuyền, một chiếc thuyền gỗ, trong chứa chất một ít vàng bạc và những đồ vật dụng như gạo, cá khô, nước ngọt vân vân...

Từ biệt các liêu hữu, Bùi Viện cho giương buồm đi về phía Bắc, vào một buổi sáng quang đãng mà mặt trời mới mọc trồi lên mặt nước gợn sóng, không khác một cái đĩa ngọc lớn để nghiêng trên tấm thảm rồng.

Cái cảm tưởng, xa nhà, xa nước, mỗi chiều thu lại nảy ra trong khối óc trống rỗng của Bùi Viện.

Nhưng ông đã có can đảm dập tắt những ý tưởng bi quan, mà nhìn trong đám không khí xa thẳm cái tinh thần tối cao hy sinh cho tổ quốc.

VI

Trên con đường vô định, Bùi Viện tự biết là sức người không thể thắng được sức trời. Nhưng đã ôm ấp một chủ đích rất cao, ông chẳng quản gì sóng dữ với bể sâu, thuỷ chung ông vẫn tin theo một ý tưởng: gửi thân cho số mệnh.

Sau mươi ngày đêm lênh đênh trên mặt bể, mươi ngày đêm vật lộn với gió bão, phải đè lên những ngọn sóng to tầy đình, kế tiếp nhau nhô lên rồi lại đổ xuống như cố ý hành hạ chiếc thuyền mỏng manh mà tay ông chèo lái, Bùi Viện trông xa đã thấy đất liền. Khoảnh đất dọi một tia sáng vui mừng trong khối óc đầy hy vọng của ông.

Khoảnh đất ấy là đảo Hương Cảng, mấy năm trước còn là một cái đảo hoang mà người Tàu bỏ quên ở Thanh Hải, nay đã trở nên hòn ngọc ở Viễn Đông, dưới bàn tay tạo tác của người Anh Cát Lợi.

Giữa hàng muôn ngàn con thuyền gỗ nhỏ như lá tre bám kín lấy chung quanh đảo, Bùi Viện nhận thấy nhiều chiếc tàu lớn sơn đủ các mầu, phía trên là ống khói ngất

ngưởng trên chỗ không gian, nhả ra những làn khói đen thẫm.

Đó là tàu buôn của các nước Âu, Mỹ.

Trên đảo, bên cạnh những quả núi lớn mà thời gian chưa xoá hết những vết bùn hoặc vết nổ của cốt mìn mà các nhà kiến trúc còn bỏ lại, nổi lên không biết bao nhiêu những toà nhà cao ngất, ngoài có tên hiệu viết bằng chữ Hán hoặc chữ Thái Tây. Trong phố - những đường phố trải đá rộng rãi, trái hẳn với đường đất bùn lầy ở nước mình - khách du gặp một số đông người qua lại, y phục khác nhau, họ chạm cánh với người Tàu, trong các giới công thương và kỹ nghệ.

Đêm đến, những cái bóng bằng thuỷ tinh treo lơ lửng trên các đường phố, nhả ra không biết bao nhiêu tia sáng chói lọi, chẳng thua gì ánh sáng mặt trời.

Những điều mắt thấy của Bùi Viện đã chứng nhận rằng những việc quan sát của Phạm Phú Thứ năm xưa không sai với sự thực.

Hơn nữa, nó lại tặng cho ông một cái ý muốn mới mẻ là mang những cuộc tiến hoá ấy thực hành ngay vào nước Việt Nam. Vì bình sinh Bùi Viện chỉ ước muốn có một điều: làm cho nước mình cũng mới mẻ chẳng kém gì các nước khác trên thế giới.

Nhưng muốn đi tới mục đích ấy không phải là dễ. Cần phải có người chỉ dẫn cho mình và cũng cần phải có những nhà chuyên môn khả dĩ mang nó ra thực hành được, theo địa thế và tình thế đặc biệt ở trong nước.

Bùi Viện tìm cách giao du với các thân sĩ Tàu ở Hương Cảng và ở Quảng Đông. Những thân sĩ đó đi trước nhà nho Việt Nam được một bước, đã tự hiến mình làm người đưa đường cho họ Bùi. Và cũng nhờ họ, Bùi Viện giao du một cách thân mật được với một vị sứ thần Hoa Kỳ ở Hương Cảng.

Sứ thần này mẹ là người Trung Quốc, ở Trung Hoa đã lâu năm nên chữ Hán rất thông và nói tiếng Tàu cũng hoạt bát chẳng kém gì tiếng "mẫu quốc thứ nhất" của mình là tiếng Hoa Kỳ.

Bùi Viện lúc ở nhà đã võ vẽ tiếng Quảng Đông, nay tới Hương Cảng, vì hoàn cảnh, vì tình thế bó buộc phải nói tiếng Tàu luôn, nên cũng thạo tiếng Tàu.

Ngôn ngữ của Hán tộc tình cờ đã trở nên sợi dây bền chặt để thất tình thân ái giữa nhà du lịch Việt Nam và viên tinh sứ nước Mỹ.

VII

Sự gặp gỡ với sứ thần Hoa Kỳ đã mở cho Bùi Viện một chân trời mới: trước kia ông tưởng chỉ có mấy nước Âu châu là khả dĩ xếp đặt lại được cái vị trí tự nhiên của loài người. Nhưng chỗ nhìn nhận đó, nay ông biết là lầm: Trên trái đất còn có một phần nữa là đứa con để lạc của Âu châu mà có lẽ lại tiến hoá hơn Âu châu, phần đó là nước Mỹ.

Trong những câu chuyện thân mật giữa "Sứ giả Việt Nam" với sứ giả Hoa Kỳ, Bùi Viện thành thực nói rõ cái hiện trạng của nước Nam và mục đích cuộc xuất dương của ông.

Để thoả mãn cái ý muốn của Bùi Viện, sứ thần Hoa Kỳ nhìn thấy một phương thuốc: nhờ sức hỗ trợ của Chính phủ Hoa Kỳ. Vị sứ thần không quên nhắc lại với Bùi Viện là Hoa Kỳ xưa kia cũng chỉ là một nước hèn yếu và cũng chịu cái cảnh chia rẽ như thời kỳ Trịnh - Nguyễn nước Việt Nam.

Nhưng giữa sự phân liệt của người cùng giống, một vị anh hùng đã nổi lên: vị anh hùng là Thống lĩnh Lincoln.

Lincoln không những đã mưu cuộc thống nhất cho Nam, Bắc Mỹ, ông lại còn đưa lại cho nước Mỹ một cuộc thịnh vượng mà trước kia dân tộc Hoa Kỳ chưa bao giờ được hưởng.

Tóm lại, sứ thần khuyên Bùi Viện sang tận Hoa Thịnh Đốn để cầu viện với Thống lĩnh Lincoln.

Điều đó không làm cho Bùi Viện do dự gì hết, vì ngay từ lúc bước chân ra khỏi nước, ông chỉ noi theo có một ý tưởng: đạt tới mục đích.

Ở lại Hương Cảng? vô ích.

Từ khi Tây Thái hậu cầm quyền, Tàu hết giao chiến với Anh, lại chống đỡ cuộc liên minh của sáu nước, sức lực của Tàu đã kiệt quệ, kho tàng của Tàu đã sạch trơn. Ngoại tướng Tàu là Lý Hồng Chương cũng chạy ngược chạy xuôi.

Giữa cuộc khủng bố lớn của quốc gia, trong số thân sĩ Tàu, không có lấy một người nào đặc sắc để cầm lấy tay lái của con thuyền Trung Hoa.

Hy vọng vào Tàu, tức là chết đuối mà vớ phải bọt.

Lúc lâm biệt, sứ thần Hoa Kỳ có hứa là sau này, khi hai người cùng làm trọn cái thiên chức của một dân nước, sẽ cùng nhau đi thuyền du lịch trong "tứ đại châu". Chẳng muốn cho bạn bị chơ vơ ở nơi chốn bể không người quen, sứ thần Hoa Kỳ lại viết thư giới thiệu Bùi Viện với một người bạn thân của mình, thường ở gần Thống lĩnh.

Mùa đông năm ấy, dưới những giọt mưa tuyết giá lạnh của một thành phố miền Nam nước Tàu, Bùi Viện buông thuyền đi Nhật Bản.

Trái với lần trước lúc khởi hành toàn là những bạn bè thân mật - lần này Bùi Viện bước chân xuống thuyền, chỉ lưu lại Hương Cảng mấy người bạn mới quen. Nhưng đời ông đã thêm được nhiều cái lực lượng mới là sự dày dạn ở phong trần và cái nhãn giới rộng rãi vô cùng về nhân sự.

Thuyền đi không mấy ngày đã tới Hoành Tân, một hải cảng của Nhật Bản.

Từ Đông Kinh, Bùi Viện đáp một tàu buôn Mỹ sang Tân Kim Sơn, rồi lên Hoa Thịnh Đốn. Sự bỡ ngỡ của sứ giả Việt Nam tại Tân Thế Giới đã giảm đi được nhiều lắm, nhờ ở công chỉ dẫn và giới thiệu của người bạn Mỹ tại Hương Cảng. Nhưng là người khách lạ mà cầu gặp mặt Thống lĩnh Hoa Kỳ không phải là việc dễ, Bùi Viện đã khéo dùng miệng lưỡi và bỏ tiền kho ra mua chuộc lòng người.

Cái hy vọng mà ông ôm ấp trong ngót năm trời thế tất ông sẽ đi đến.

VIII

Bùi Viện ở Hoa Thịnh Đốn đã ngót một năm. Ngót một năm chờ đợi và mong mỏi. Ngót một năm đã nhiều lần làm cho ông hồi tưởng đến thân hữu và cố hương. Nhưng cũng trong ngót một năm ấy, ông đã không bỏ sót một cơ hội nào mà không đi thăm các thị trấn lớn ở Hoa Kỳ.

Những tập quán và phong tục trái với nước ông không đủ làm cho ông lạ nữa.

Những ngôn ngữ và nhân chủng không giống với người nước ông, ông cũng coi là sự thường.

Cho đến những vật mà trước kia nó đã làm cho vua Tự Đức phải hốt hoảng và nghi ngờ, nay đối với Bùi Viện cũng chỉ là kết quả tự nhiên của cuộc tiến hoá về khoa học. Bùi Viện đã thành một người mới của thế giới cũ lạc loài sang Mỹ châu.

Sau hết, Bùi Viện được vào yết kiến Thống lĩnh Lincoln[1]. Câu chuyện trao đổi giữa sứ thần Việt Nam với

---

[1] Đối chiếu với năm Bùi Viện tới Hoa Kỳ thì là Tổng thống Grant (Ulysses S.), chớ không phải là Lincoln (Abraham).

Thống lĩnh Hoa Kỳ không ngoài những việc mà ông đã trình bày với sứ thần Mỹ ở Hương Cảng.

Thống lĩnh Lincoln một phần vì muốn giơ bàn tay nhân đạo của Hoa Thịnh Đốn ra nâng một nước ở xa xôi, phần khác vì muốn mưu việc thực dân cho Hoa Kỳ ở Viễn Đông để cạnh tranh với các nước Âu châu, không do dự gì hết, vui vẻ hứa giúp.

Nhưng quốc thư?

Phải có quốc thư mới được.

Quốc thư, Bùi Viện không có.

Theo lệ thường một người muốn đại diện cho nước mình để giao thiệp với một nước khác thì cuộc điều đình chỉ có giá trị khi nào người đó có thư uỷ nhiệm của Chính phủ mình.

Bùi Viện, lúc triều đình Huế phái đi, không nghĩ đến việc sẽ đại diện cho nước Việt Nam mà giao thiệp với nước nào, nên không xin cấp quốc thư.

Thiếu quốc thư, việc của Bùi Viện bị lỡ hẳn. Vì quốc thư không có, Thống lĩnh Lincoln không lấy danh nghĩa gì mà xin Chính phủ Hoa Kỳ giúp cho nước Việt Nam được.

Song Bùi Viện chưa thất vọng, ông xin tạm biệt Thống lĩnh Lincoln về nước lấy quốc thư. Cuộc hành trình của ông lần này đã có chương trình nhất định, nên từ giã Hoa Thịnh Đốn không bao lâu, con thuyền khứ quốc của ông đã về tới Thuận An, trước cuộc nghênh tiếp niềm nở của triều đình Huế. Không bỏ lỡ một phút nào hết, Bùi Viện mang mọi việc trình bày với vua Tự Đức và xin làm Toàn quyền đại thần để giao thiệp với Chính phủ Hoa Kỳ.

Một vài triều thần hoặc ghen tài Bùi Viện, hoặc vẫn mang nặng khối óc cổ hủ, khuyên vua Tự Đức không cho. Nhưng nước Việt Nam lúc này đã ở vào cái bệnh tình rất trầm trọng, chỉ còn tính ngày hoặc tính giờ nên sự ngờ vực vô lý đã nhường chỗ cho cuộc tín nhiệm không có bờ bến.

Được như ý, Bùi Viện thận trọng mang tờ quốc thư trở lại Hoa Kỳ, khấp khởi mừng thầm là cuộc du lịch của mình không đến nỗi vô ích và sau này sẽ đứng vào hàng công thần trong lịch sử. Cái hy vọng của Bùi Viện không bao lâu đã đổi thành thất vọng.

Vì, vừa bước chân xuống đất Hoa Kỳ, ông liền được tin Abraham Lincoln bị ám sát.

Là một nhà trí thức xuất thân ở nơi điền dã, trong khoảng vài chục năm, Abraham Lincoln đã leo lên được ghế nguyên thủ của Hoa Kỳ. Rồi, chẳng từ khó khăn, ông bãi tục mãi nô[1] và mưu cuộc thống nhất cho tổ quốc ông.

Ông chết trong tay một kẻ vô danh.

Nhưng đời ông không uổng.

Abraham Lincoln đã thành vĩ nhân thế giới.

Chỗ đáng tiếc là công việc và hy vọng của Bùi Viện xây đắp bấy lâu đã đổ như một toà lâu đài xây bằng những mảnh giấy bồi.

Chạy ngược chạy xuôi mãi, nhưng không có chỗ nào để nương tựa, Bùi Viện đành lại mang tấm lòng trống rỗng mà buông thuyền về nước.

---

[1] Mua bán nô lệ (B.T.)

IX

Khi Bùi Viện về tới Hoành Tân thì trời cũng vừa thu. Nhưng trái với mùa thu hai năm trước - óc ông còn đầy hy vọng - thu này ông ôm mối thất vọng trở về.

Trong khi thơ thẩn ở một công viên tại Hoành Tân, Bùi Viện chợt gặp sứ thần Mỹ mà ông đã kết giao năm nọ tại Hương Cảng.

Mừng rỡ, sứ thần mời Bùi Viện vào một khách sạn ở ngay chỗ công viên và thiết tiệc khoản đãi.

Đáp lại những câu hỏi han vồn vã của bạn, Bùi Viện mang việc thất bại ở Hoa Thịnh Đốn thuật lại, vẻ mặt buồn rầu.

Tin Thống lĩnh Lincoln bị ám sát, sứ thần đã biết từ trước, nhưng ông không ngờ nó đã ảnh hưởng đến cả cục diện Việt Nam.

Sứ thần cố lưu Bùi Viện ở Nhật, nhưng ông nhất định khước từ, lấy cớ là mình sẽ kế tiếp cuộc du lịch để khuây cái buồn thất bại.

Khi từ biệt Hoành Tân, Bùi Viện lưu lại thiên Đường luật sau:

驪酌橫濱九月秋
Ly chước Hoành Tân cửu nguyệt thu,
南雲回首正悠悠
Nam vân hồi thủ chính du du.
波濤夢惺生新興
Ba đào mộng tỉnh sinh tân hứng,
水土懷深抑舊遊
Thuỷ thổ hoài thâm ức cựu du.
歌舞層臺今海國
Ca vũ tằng đài kim hải quốc,
繁花人物古蓬洲
Phồn hoa nhân vật cổ bồng châu.
爲歡似惜還爲别
Vi hoan tự tích hoàn vi biệt,
仙侶何年共泛舟
Tiên lữ hà niên cộng phiếm chu.

(Tháng chín Hoành Tân nhắp chén chơi,
Trời Nam ngoảnh lại dạ khôn nguôi.
Ba đào hứng mới tan hồn mộng,
Đất nước tình xưa tít dặm khơi.
Lầu các coi chừng nay đổi mới,
Bồng hồ riêng thú đã bao đời.
Vui vầy ngại nỗi khi chia rẽ,

Thuyền đó bao giờ lại thả bơi)

Theo nguyên văn bài trên, Mỹ sứ hoạ:

橫 橋 柳 色 漸 離 秋

Hoành kiều liễu sắc tiệm ly thu,

握 手 分 程 萬 里 愁

Ác thủ phân trình vạn lý sầu.

舊 約 花 城 鷹 遠 訪

Cựu ước Hoa thành ưng viễn phóng,

奇 逢 仙 島 更 攜 遊

Kỳ phùng tiên đảo cánh huề du.

月 梁 客 意 非 三 日

Nguyệt lương khách ý phi tam nhật,

糊 海 君 心 有 四 州

Hồ hải quân tâm hữu tứ châu.

料 得 明 朝 相 憶 處

Liêu đắc minh triêu tương ức xứ,

重 洋 雲 水 各 孤 舟

Trùng dương vân thuỷ các cô chu.

(Sắc liễu cầu Hoành sắp hết thu,
Cầm tay chia ngả dặm xa sầu.
Hoa thành ước cũ nên thăm hỏi,
Tiên đảo tình nay kết bạn bầu.
Ý khách vẩn vơ từ mấy độ,
Lòng người man mác đã bao lâu.

Sáng mai nhớ chỗ xa nhau nhỉ,
Riêng lá thuyền con vượt bể sâu).

Lại theo vần những bài của các thân hữu ở Huế, Mỹ sứ tặng Bùi Viện bài ngụ ngôn:

偶 佴 你 蓬 萊 酌
Ngẫu nhĩ bồng lai chước,
霓 裳 夜 月 遊
Nghê thường dạ nguyệt du.
星 槎 花 國 到
Tinh sa Hoa quốc đáo,
客 棹 越 天 浮
Khách trạo Việt thiên phù.
情 事 已 歷 歷
Tình sự dĩ lịch lịch,
豪 興 方 悠 悠
Hào hứng phương du du.
會 遇 不 止 此
Hội ngộ bất chỉ thử,
辭 君 先 登 舟
Từ quân tiên đăng chu.
(Rượu tiên đâu bỗng rót,
Đêm trăng múa hát chơi.
Đất Bắc thuyền vào bến,
Trời Nam chèo tới nơi.
Sự tình đều đã rõ,

Hào hứng vẫn chưa thôi.
Gặp nhau không chỉ thế,
Lên thuyền tạm biệt người).

Từ Hoành Tân, không bao lâu Bùi Viện tới cửa Hàn, và theo đường bộ ra Huế, nhưng vừa đến Hải Vân quan thì được tin mẹ mất.

Về triều phục mệnh, Bùi Viện mang cả hai việc không may về nước và nhà tâu vua Tự Đức.

Việc tuy không thành, nhưng triều đình cũng biết cái công của Bùi Viện, nên khi ông xin về thụ tang, vua Tự Đức phê:

"Trẫm ư tử, vị hữu thâm ân nghĩa. Tử nãi dĩ quốc an, nãi bảo gia an. Thâm đồ viễn lự, quỷ thần đương diệc giám chi".

(Trẫm với người tuy chưa có ân nghĩa gì cả mà đã coi việc nước như việc nhà, không quản xa xôi, lo lắng. Quỷ thần tất cũng biết vậy.)

X

Lần thứ hai, Bùi Viện ra Bắc.

Cái cảnh sắc của Bắc hà - với những cuộc loạn lạc liên tiếp của nó - vẫn không thay đổi.

Hơn thế, ông ra lần này lại có một vết thương mới về cảnh nhà.

Lúc này Bùi Viện đứng vào cái cảnh ngộ trong câu đối của một người sinh sau ông có đến bốn mươi năm là Nguyễn Thượng Hiền: "*Giang sơn thuỳ điếu, huống gia sơn*" (tang nước ai khóc, huống tang nhà).

Nhưng Bùi Viện còn may mắn hơn Mai Sơn[1] ở chỗ ông đã được yên ổn và chịu tang mẹ, một đám tang đã cử hành trước khi ông về chừng năm, sáu tháng.

Tuy vậy, trong bài văn tế mẹ của Bùi Viện, người ta không khỏi nhận thấy những câu thống thiết, nó là ánh phản chiếu cuộc đời luân lạc của ông:

---

[1] Hiệu của Nguyễn Thượng Hiền (B.T).

Than rằng:

"Non xa nước thẳm, lạc bước phù tang,

Đất thấp trời cao, đau lòng trắc dĩ.

Nỗi nhà báo đáp, tội con vâng biết đã nhiều,

Cõi khách xa xăm, cơ tạo nghĩ đâu ra thế?

Ngày vĩnh quyết, cách lời khuất mặt, tấc lòng nào thương nhớ có nguôi,

Công dưỡng sinh tạc dạ ghi xương, trăm thân cũng đền bồi chưa dễ.

Những tưởng:

Trời còn rộng, đất còn dài,

Thông còn tươi, huyên còn khoẻ.

Nhà mai trúc một đoàn xum họp, theo đòi dưới gối đã đông người,

Sân quế hoè đôi chút thơ ngây, thay đỡ việc mình không thiếu kẻ.

Thương nỗi chiếc thân ngày tháng, nghiên bút ít nhiều, kiếp trần mong rũ sạch cho xong,

Xót lòng tựa cửa hôm mai, ngày tháng đợi chờ, đường mây nghĩ bước đi cho nhẹ!

Thấy giữa đường đương lắm nỗi bất bình,

Nhìn trong cuộc phải trọn người tri kỷ.

Ngày xuất cáo chưa kịp lời thưa nói, những là tưởng

dưới nhà trên nước, khắc xương ghi dạ, biết đâu mà gửi can tràng?

Bước viễn du không kịp tính gần xa, những là toan đổi hiếu làm trung, nhắm mắt đưa chân, phận nào có tưởng đâu vui tẻ?

Lìa nhà, lìa cửa chiếc gánh quan san,

Một nước một trời mảnh buồm thu thuỷ.

Phần e đường xá còn xa,

Phần sợ bóng dâu đã xế.

Khi lên thác xuống ghềnh, khi ra khơi vượt bể,

Trông vời cố quốc, lòng ty thân một bước một xa.

Khi chân mây mặt sóng, khi cữ gió tuần mưa, trông dặm tử phần, nỗi viễn khách càng thương càng nhớ.

Khi thì thương nhà huyên tuyết chở sương che, vì nuôi con những rầy ước mai ao, cũng tưởng liều một giọt mà soi thiên hạ, lấy chân cam mà bổ lạo đắng cay,

Khi thì thương nhà thông da mồi tóc bạc, gặp nước nhà còn khe khắt lạ lùng, cũng toan đem tấc cỏ quyết liều ba xuân, dẫu phiền muộn phải lo cho mát mẻ.

Nào ai nghĩ:

Nỗi xa con cách mấy dặm xanh,

Việc nhà bỗng gặp cơn dâu bể.

Khi được tới tàu vừa cập bến, đèo Hải Vân theo dịp quán lân la.

Tin đâu như sét đánh ngang trời, nghe từ mẫu đã đình lai vắng vẻ.

Đau đớn nhẽ, nhà Huyên nỗi hơi đồng giá ngắt, non nước bao xa cách trở, biết đâu ngọt bùi, biết đâu ấm lạnh, những ai vì xem xét thuốc thang?

Ngậm ngùi thay, nhà Thông khi tuổi hạc càng cao, công trình kể biết mấy mươi, nào là khâm liệm, nào là tang trai, những ai giúp sắm sanh tang tế?

Nghĩ lại từ phen lưu lạc, ngoài nghìn dặm, chốc ba đông, bên trời góc bể, bốn phương trông mây trắng tuyệt vời,

Xiết bao kể nỗi thảm sầu, đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, cữ gió tuần mưa, một mình những canh chầy âm ỉ.

Vì bởi chuyện xa gần tan hợp, những chịu năm chờ tháng đợi, con tằm còn vương mối chưa xong,

Cũng biết điều khinh trọng phải chăng, mà theo gió bắt mưa cầm, chim lòng dẫu cất mình khôn nhẹ.

Rầy lần mai lữa, cách năm vừa trở gót về quê,

Đêm thẳm ngày dài, một chén để trước mồ dâng lễ.

Nỗi thương nói chẳng hết lời,

Tình tự khóc than khôn kể.

Sao lúc trước, tới nhà Huyên, tiêu hao vẫn gạn gùng nguồn ngọn, hỏi nỗi tha hương lữ khách, sự duyên tường kẽ tóc chân tơ,

Sao lúc giờ, tới nhà Huyên, chiêm bao như liệu tưởng đi

về, căm lòng tử biệt sinh ly, phong cảnh luống trông vời gạt lệ.

Biết trăm sự tại khôn thiêng lừa lọc, những từ cơn binh lửa đến gặp nhà tang tóc, vì bởi quá chân nên nỗi, dẫu sự mình nào còn dám nói năng?

Tưởng một đời như giấc mộng mơ màng, đã cam phụ gửi thây mà lại thẹn với non sông, thà rằng một quyết cho rồi, dẫu miệng thế cũng mặc người phi thị.

Cực vì nỗi lượng trên trông xuống, trước còn một chút nhà thông,

Thương vì đường máu chảy ruột mềm, sau có đôi ba đàn trẻ.

Kiếp phong trần còn lắm nỗi gian nan,

Duyên hội ngộ chưa đền ơn quốc sĩ.

Trót đã ngổn ngang trăm mối, chưa dứt tình kia hiếu nọ, cõi đời sao khỏi phụ người ta?

Cũng liều đầy đọa chiếc thân, sao cho trong ấm ngoài êm, cuộc thế mới nghỉ xong ân nghĩa.

Đức cù lao trong chín chữ chưa đền,

Lời nguyện ước nhớ ba sinh chưa phỉ.

Bình bồng vừa khỏi chút xa xăm.

Sinh tử lấy chi làm đáp để?

Trên linh vị giãi hết lòng cao thấp, hương khói trông theo nào thấy nữa, tấm son gột rửa đến bao giờ?

Dưới tuyền đài sau có lúc thần hôn, suối vàng may hoạ biết ra cho, nỗi nước dần dà xin liệu sẻ.

Than ôi!

Đất có dầm mưa

Song trăng quạnh quẽ.

Mây bạc hạc lánh, thảm ngất mù khơi,

Vượn hót ve kêu, canh khuya rầu rĩ.

Trong nhà cửa trước sau thầy tớ, về nhìn coi đủ mặt người,

Bước giang hồ ràng buộc áo xiêm, nỡ để còn vương tơ chỉ.

Trải mấy ác tà thỏ lặn, trăm năm để một tấm lòng son,

Dẫu rằng sông cạn đá mòn, muôn kiếp trả nào xong nghĩa mẹ!"

Bùi Viện lưu lại quê nhà trong ba tháng. Ba tháng ấy đã giúp ông khuây dần những nỗi đau đớn nó gieo mạnh xuống nước và nhà ông.

Cuộc bôn xu về danh lợi cũng ngừng, để đưa lại cho ông một cuộc đời vô tư lự.

Nhưng ông tuy muốn nhàn mà việc đời chẳng cho ông được như ý. Vì ba tháng vừa qua thì đã có thư triệu vô kinh.

Nhà vua vẫn nhớ luôn đến Bùi Viện. Ông được cất lên chức Thương chính Tham biện.

Một ân huệ lớn của triều đình.

Nhưng kẻ có chí du lịch bốn phương mà rút cuộc cũng chỉ đến cân đai áo mũ như mọi người, thì cuộc đời của Bùi Viện còn nhạt nhẽo gì bằng.

Cái nhạt nhẽo đó chính ông đã cảm thấy.

Song một việc không ngờ lôi kéo ông ra. Việc mà chính ông thuật lại bằng những câu lục bát dưới đây tuy không có giá trị về văn chương, nhưng là một tài liệu hữu ích cho lịch sử:

Vào năm Quý Dậu tháng tư,
Điều vâng Hoàng thượng lệnh từ sắc ban.
Mười hai giá ngự Thuận An,
Triều thần văn vũ trăm quan hộ tùng.
Tinh binh cờ phất trống giong,
Chèo ba phới rẽ thuyền dòng như bay.
Vẳng nghe sóng vỗ vang rầy,
Xa trông mấy bức buồm bay dịu dàng.
Cảnh màu ai khéo điểm trang,
Đủ no gác tía, lầu vang vui thay.
Càng nhìn càng đắm, càng say,
Dẫu cho trăm cảnh không tày Thuận An.
Ai ngờ một phút tự nhiên,
Bỗng đâu chín chiếc tải thuyền chạy ra.
Ngọn buồm trước thấy xa xa,
Gần vời nghe tiếng súng ra đùng đùng.
Tàu Ô hai chiếc buồm dong,

Đều buông tiếng súng, gẫm cùng to gan.
Giương buồm chạy dọc chạy ngang,
Căm thay mấy lũ, mấy đoàn Tàu Ô.
Tung hoành bố mẹ si lô,
Đứa đâm, đứa chém, đứa xô xuống tàu.
Các quan khi ấy gửi tâu,
Ngửa vâng Hoàng thượng trên lầu phán ra.
Lệnh truyền hộ vệ thần cơ,
Ai mà bắn lại Tầu Ô nọ rồi.
Người ban tước lộc cao đầy,
Ngửa vâng Hoàng thượng nạp ngay súng liền.
Bắn thì phát thẳng, phát xiên,
Phát thì chẳng trúng nhằm thuyền Tàu Ô.
Ngó ra nó đã chạy vô,
Giắt đi hai chiếc, đi mô chẳng tường.
Thấy thời nửa giận, nửa thương,
Giận thay chúng nó coi thường quân ta.
Kẻ thời bị thuốc cháy da,
Người thời bị đạn, máu ra đầm mình.
Làm cho chúng nó rẻ khinh,
Nghĩ lại giận mình chẳng biết cứu nhau.
Phải khi diệu vợi nơi đâu,
Đã toan lập lượng chước màu tâu vua,
Chẳng qua sự đã sờ sờ,
Ai ai cũng lặng như tờ kín hơi.

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Làm tôi ăn uống lộc trời lắm ru!
Nghênh ngang võng võng dù dù,
Bài vàng thân mũ xuân thu phái tàu.
Cũng không tài cán chi đâu,
Rồi ra múa mỏ vảnh râu một bè.
Phen này mắt thấy tai nghe,
Tham sinh uý tử một bề như nhau.
Ăn thì nhằm trước nhằm sau,
Đến khi có giặc trụt đầu, trụt đuôi.
Cũng xưng rằng đấng làm tôi,
Có sao chẳng biết hổ ngươi trong mình!"

Bài ca của Bùi Viện không có mục đích nào khác là mỉa mai các quan văn võ đương thời. Bọn này, lúc vô sự kiêu căng, hách dịch; đến khi nước nhà có việc thì không biết xoay sở ra sao hết, chỉ giương mắt nhìn nhau. Chứng cớ mà ông viện ra là vụ Tàu Ô cướp các thuyền vận tải của triều đình ngày 12 tháng tư năm Quý Dậu (1873).

Tầu Ô là gì?

Khi nhà Thanh mới chinh phục được Trung Quốc, có nhiều quan lại trung thành với nhà Minh không chịu phục tòng chủ mới. Bọn này hoặc trốn vào rừng núi, hoặc lánh ra ngoài bể để mưu đồ khôi phục. Phần ở bể, lúc đầu còn giữ được những hành vi minh chính. Nhưng lâu ngày, chí phục quốc dần dần nguội lạnh mà lương thực cũng hết, họ phải xoay ra cướp các thuyền buôn làm kế sinh nhai. Từ

cái địa vị là nhà chí sĩ, họ trở nên những toán giặc bể vùng vẫy tại miền duyên hải của Trung Quốc và Việt Nam. Nhà của họ là những chiếc thuyền đinh cực lớn sơn đen mà người Việt Nam gọi là Tàu Ô. Hành vi của họ là cướp của, giết người. Từ đời ấy qua đời khác, bọn khách tàu ô chuyên sống một cuộc đời trôi nổi trên mặt bể khơi. Nếu họ lên bộ, chỉ là để cướp phá làng mạc; có khi bắt cả đàn bà, trẻ con, mang bán cho dân các tỉnh miền Nam nước Tàu làm thê, thiếp.

Vì cuối đời nhà Lê giặc Tàu Ô vốn là một mối lo lớn cho triều đình. Và, cũng vì có những công dẹp giặc đó nên nhiều võ tướng như Hoàng Tố Lý và Nguyễn Hữu Chỉnh đã lưu được tên tuổi đến đời sau.

Sang triều Tây Sơn thì người ta không phải lo về giặc tàu ô nữa, vì vua Quang Trung đã thi hành một chính sách rất khôn khéo là tha thứ những tội lỗi của giặc Tàu Ô trước mà dụ chúng về hàng, trong tờ dụ có câu:

"Tôn Sĩ Nghị quân đông, tướng mạnh mà Trẫm mới trở ngọn cờ, cũng đã bị dẹp tan. Huống hồ các ngươi, một đàn sâu kiến, nếu có thể lềnh bềnh ngoài bể mà quấy rối được mãi hay không? Lỗ Trí Thâm vứt dao thành Phật, chẳng phải là chuyện xa lạ gì. Người trí giả phải lo đến việc đổi hoạ thành phúc, bảo nhau về hàng. Lòng Trẫm chỉ muốn che chở cho con dân, sẽ tuỳ tài của mỗi người trong các ngươi mà sai khiến... "

Những tên giặc Tàu Ô về hàng vua Quang Trung quả nhiên đều được áo mũ xênh xang. Nhưng các quan Tổng binh mới này vẫn được nhà vua cho phép sinh nhai theo

cái nghề nghiệp tổ truyền, chỉ khác là chúng không ăn cướp tại bờ bể Việt Nam nữa mà trở về bóc lột các phường buôn ở Lưỡng Quảng[1].

Nhưng sau khi triều Tây Sơn đổ, chính sách của vua Gia Long khác hẳn. Nhà vua cho nhặt những bằng sắc mà vua Quang Trung cho giặc Tàu Ô mang sang nộp vua Thanh để kể tội triều Tây Sơn. Bọn này lẽ tự nhiên lại trở nên những thù địch độc ác của triều đình. Và thế lực của chúng mỗi ngày một mạnh, thậm chí chúng đã trở nên cái cớ chính để nhiều cường quốc can thiệp vào nội chính của các nước Viễn Đông như Việt Nam và Trung Quốc.

*

* *

Hôm ấy là ngày 12 tháng tư năm Quý Dậu, vua Tự Đức ngự thuyền ra chơi cửa Thuận An. Đi theo hộ giá có đủ mặt các quan văn, võ. Trong lúc vua và các quan đang lấy cái cảnh trời cao bể rộng làm đầu đề xướng hoạ văn thơ, thì phía ngoài khơi có chín chiếc thuyền buồm từ từ đi vào.

Đó là những thuyền vận tải của Nha Kinh lược Bắc kỳ, chở tiền tài và quân lính ở Bắc hà đổi phiên vô Huế.

Mọi người đang chú ý nhìn những chiếc buồm lớn - mà tự triều đình Huế lấy làm vinh dự - thì lại cũng ở ngoài khơi có hai chiếc thuyền lớn sơn đen, phăm phăm chạy vào: giặc Tàu Ô.

---

[1] Hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Quốc (B.T).

Bọn giặc khách từ những tàu ô chĩa súng bắn sang chín chiếc thuyền vận tải của triều đình. Trong chín chiếc thuyền này, ai lo mệnh nấy, nên không dám chống lại, chỉ giương buồm chạy trốn. Hai chiếc sau rốt nặng nề quá, chạy không kịp bị giặc khách xông sang, giết quân lính của Nam triều mà cướp lấy thuyền.

Vua Tự Đức tỏ ý tức giận, truyền cho nội giám bảo các quan hộ giá rằng ai lui được giặc sẽ phong tước lộc cho. Các triều thần - nhất là võ quan - cho bắn súng thần công ra bể. Nhưng phát thì không tới giặc, phát thì lệch hẳn ra ngoài. Không những giặc tàu ô chẳng bị thương tổn chút nào mà lại còn tăng một trò cười cho công chúng. Trái lại, giặc khách từ ngoài bắn vào, quân Nam người bị gãy tay, nhiều người khác vỡ đầu.

Sau khi chúng bắn giết đã chán tay, bọn giặc Khách lại rong thuyền ra bể.

Bài ca chế nhạo các triều thần của Bùi Viện không ngờ đã đến tai vua Tự Đức.

Sẽ là một mối nguy cho ông? Phái thù của Bùi Viện hy vọng như vậy. Vì bài trên có thể là một chứng cớ để người ta khép ông vào tội "khi quân".

Nhưng sự thực trái hẳn!

Nó là một bước thang tiến thân cho Bùi Viện. Vì nhờ đấy, ông được nhà vua trao cho một quan chức về nha Thương chính. Song là một "quan chức chạy" vì nghĩa vụ của ông phải báo cáo với triều đình về tình hình thương mại của nước nhà và những hành động của bọn giặc tàu ô ở ngoài bể.

Bùi Viện không phải là người chịu lui trước những việc khó. Hơn nữa, chính những việc khó khăn mà triều đình phó thác cho Bùi Viện mà chính những bạn thân của ông cũng không ai ngờ.

Sau mấy tháng cưỡi một con thuyền nhỏ đi lênh đênh ở ngoài bể, và la cà khắp các bến từ Nam Định vào Quảng Nam, Bùi Viện trở về Huế với một tập dự án và một khối óc lạc quan có lẽ mạnh hơn trước khi bắt tay vào việc.

Tập dự án và khối óc lạc quan ấy góp lại đã câu kết nên một tờ báo cáo rất tường tận mà Bùi Viện đệ lên triều đình Huế, ngày mồng tám tháng bảy năm Tự Đức thứ 29.

Bắt đầu tờ báo cáo Bùi Viện nói về tình hình khốn quẫn của các nhà buôn lương thiện ở ngoài khơi. Vì đáp lại lời khích lệ của triều đình, số đông các nhà buôn Việt Nam - nhất là ở mấy tỉnh Thanh, Nghệ và Nam Định đã bạo dạn, vượt qua luỹ tre xanh mà buông thuyền ra bể để trao đổi hàng hoá với những lương dân trong mấy tỉnh miền Nam như Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam và Huế.

Nhưng triều đình chỉ nhìn thấy những kết quả thiển cận, mà không lo phòng bị các tai nạn bất kỳ. Cho nên các thuyền buôn, khi đã văng mình ra bể khơi rồi thì không những bị cái ách sóng to, gió dữ mà lại còn làm miếng thịt vô thừa nhận, trước con mắt thèm thuồng của bọn cướp bể. Bọn này, nếu gặp thuyền vận tải của triều đình Huế thì thu lấy vàng bạc mà cho thuyền về. Trái lại, nếu là thuyền buôn thì không những chúng cướp của mà còn giết người và phóng hoả cho thành một đám tro, trong khoảnh khắc chôn sâu dưới mặt sóng.

Cái thảm hoạ của nhà buôn Việt Nam ngoài bể, trong tờ biểu tấu dâng lên vua Tự Đức, Bùi Viện viết:

"... Triều đình tuy dụng công khuyến khích mà nghề buôn của người Việt Nam vẫn không phát đạt, có chính vì các thuyền bè công, tư thường bị giặc bể cướp phá ở ngoài khơi. Trị bệnh tất nhiên là phải trị từ gốc, nghĩa là trước lo trừ giặc thì mới có hy vọng cho việc thông thương được thêm phát đạt.

Tại các nước Âu châu, người ta lo việc giao thông trước, rồi sau mới khuyếch trương việc buôn bán dần dần.

... Việc trị an ở người bể, gần đây nước ta tin cậy vào công cuộc hải phòng của một nước ngoài. Nhưng chống trọi với hàng muôn ngàn chiếc thuyền của giặc Tàu Ô, chúng ta chỉ có vài chiếc tàu thuỷ vừa chậm chạp vừa nặng nề. Giữ được chỗ nọ thì hỏng chỗ kia, vài con voi địch với một đàn hổ, thế dù mạnh đến đâu cũng không thể che chở cho xiết được. Và những tàu thuỷ lòng sâu 7, 8 thước mà thuyền giặc thì lòng chỉ bốn thước là cùng. Nếu gặp tàu thuỷ đi tuần thì giặc đã có một cách đối phó rất giản dị và có hiệu lực vô cùng là chúng tránh thuyền vào chỗ bể nông, tàu không sao đến được, mà bắn cũng không tới.

Tóm lại, vài ba chiếc tàu thuỷ mà Nhà nước đã quăng ra ngoài khơi, nếu để làm món bài trí thì được, chứ trông cậy vào đấy để bảo hộ cho các thuyền buôn thì không có công hiệu gì cả.

Gần đây, triều đình lại còn tìm ra một món khí giới thứ hai nữa là dùng thuyền Trung Hoa để chống với giặc bể. Nhưng nhờ người Tàu bảo hộ cho nhà buôn Việt Nam, thật

là một chuyện mẹ gà con vịt, không ích lợi chi cả".

Bùi Viện đã tìm thấy căn bệnh.

Đồng thời, ông lo cả thuốc chữa.

Cũng trong tờ biểu tấu đề ngày 8 tháng bảy năm Tự Đức thứ 29, Bùi Viện viết tiếp:

"Hồi tháng năm năm nay, tôi đã đi kinh lý khắp miền duyên hải, trực tiếp một phần lớn với nhà buôn có thuyền xuôi, ngược ngoài khơi. Theo lời họ khai với tôi thì mỗi thuyền ưng nộp vào công quỹ hàng năm, một năm phương thóc là ba mươi quan để triều đình "bảo hiểm" cho họ khi bị tàn hại vì cái ách giặc bể.

Triều đình nên lợi dụng ngay cơ hội này mà tổ chức một đội hải quân, trước là trông nom cho các nhà buôn giao thông được thuận tiện - như vậy mới có hy vọng thương nghiệp mở mang - sau chúng ta dần dần luyện tập cho thuỷ thủ các quan thuyền về mặt thuỷ chiến để cầu lấy một đội hải quân hùng tráng, rồi đây sẽ có ngày dùng đến.

Nếu triều đình chuẩn những đề nghị của tôi thì lập tức tôi có thể tổ chức được một thuỷ đội, trong có một ngàn người mà bảy trăm là dân chài lưới ở bến Trà Lý và ba trăm khác là những tên Tàu rất thiện về mặt thuỷ, để làm những những tên lính đắc lực. Chiến thuyền và khí giới thì do Nhà nước cung cấp cho họ.

Đội hải quân này sẽ đi tuần khắp miền duyên hải của nước ta, đồng thời họ phải làm cả ba việc: vận tải lương tiền của Nhà nước, hộ vệ cho các nhà buôn và trừ diệt

những giặc bể hiện đương hoành hành ở Đông hải.

Hải quân sẽ thuộc quyền chỉ huy của một vị quan cao cấp lập bản doanh tại Nam Định. Nhưng suốt từ Bắc kỳ vào đến Quảng Nam, bến nào cũng có đặt thêm một đồn gọi là đồn quan phòng. Những đồn này sẽ do một vị quan nhỏ cai trị. Đồn vừa là chi nhánh của đại doanh, vừa là trụ sở của quân ta mỗi khi đổ bộ. Tôi xin đặt những đồn nhỏ ở mấy nơi như sau này: Quảng Nam, Đà Nẵng, Bân Sơn, Nê Sơn, Ninh Hải.

Triều đình đã đặt ra đội "Tuần dương quân" nghĩa là đội quân đi tiễu giặc ở ngoài bể, thì đội quân ở các tỉnh mà xưa nay chúng ta gọi là "quan phòng" sẽ trở nên không có công dụng gì.

Thực ra, từ khi đặt ra đến giờ, những đội "quan phòng" ở các đồn duyên hải cũng không có ích gì cho Nhà nước cả. Vì chức trách của họ là phải phòng ngừa giặc bể. Mà giặc bể thì chỉ hoành hành ở ngoài khơi. Dù họ có biết đích là ngoài bể có giặc nữa, cũng chỉ đến giương mắt mà nhìn, chứ không có cách gì xoay trở...".

Bùi Viện đã nhận thấy sự vô ích của đội quan phòng.

Nhưng ông không chủ trương sự khước bỏ hẳn. Theo ý Bùi Viện thì ngoài cửa Thuận An ra là hải cảng quan trọng nhất mà Nhà nước cần phải lưu số lính quan phòng nguyên như cũ, tại các đồn khác ba phần chỉ nên lưu lại một mà rút đi hai. Song cái công dụng của lính quan phòng còn lại, sẽ khác hẳn trước.

Đáng lẽ trao cho họ cái chức trách tưởng tượng là tiểu

giặc bể thì từ nay chỉ nên uỷ thác cho một một việc rất nhẹ nhàng là hỏi giấy thông hành của những người ngoại quốc hoặc bản xứ qua lại các thương cảng.

Hai phần lính bãi về sẽ giúp cho Nhà nước một việc lớn là tiết kiệm được một món tiền tiêu vô ích vì suốt một dải từ Quảng Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An ra đến Ninh Bình, Nam Định, không tỉnh nào là không có thứ quân vô dụng ấy.

Trả số lính trên về cho đồng ruộng, Nhà nước cho họ được cái vui là xum họp với gia đình và thêm một số nhân công mới để khai khẩn ruộng đất.

Số tiền tiết kiệm về lính quan phòng, Bùi Viện cũng yêu cầu chia làm ba phần: hai phần dùng vào việc sắm thuyền bè, khí giới và trả lương cho "Tuần dương quân", còn phần thứ ba thì lưu lại công quỹ để chi viện vào các việc cần yếu khác.

Kết luận tờ biểu tấu, Bùi Viện nói nếu theo phương pháp của ông thì Nhà nước không những không tổn phí gì thêm; trái lại còn tiết kiệm được rất nhiều tiền, gạo - mà đồng thời đạt tới mục đích:

a) Trừ bọn giặc bể để mưu sự trị an cho các thuyền buôn và dân quê miền duyên hải nước Việt Nam.

b) Chấn hưng nghề buôn bằng cách bảo hiểm cho họ được yên ổn ở chỗ chân trời, mặt sóng.

c) Tổ chức việc vận tải của Nhà nước được chu đáo, để khỏi hao hụt công quỹ.

Còn một mục đích thứ tư nữa mà Bùi Viện không phải không tha thiết muốn đạt tới, nhưng hiện coi là việc tương lai, là huấn luyện cho "Tuần dương quân" thành một đội thuỷ quân rất chu đáo, việc mà người ta đương thời ít ai nghĩ đến cái công dụng của nó.

Sau hết, Bùi Viện lại nói thêm rằng tờ biểu tấu của ông mới là những lời tóm tắt về những điều đại cương. Nếu triều đình ưng chuẩn, ông sẽ trình bày những chi tiết minh bạch về cách tổ chức.

Và, chẳng muốn để cho triều đình chê ông là chỉ nói lớn mà không biết làm, Bùi Viện xin tự đảm nhiện lấy việc tổ chức "Tuần dương quân" trước khi thoả thuận với Nguyễn Chinh Lâm là Bố chánh Quảng Nam, kiêm chức chủ sự nha Thương chính.

Bùi Viện đã có những ý tưởng thiết thực, mô tả bằng một ngọn bút hoạt bát và giản dị.

Tóm lại, cũng như chúng tôi, sau khi đọc tập biểu tấu của Bùi Viện, các bạn đều tưởng tượng là cái chương trình của ông sẽ được triều đình Huế rất hoan nghênh.

Lầm! Thấy những lời lẽ mạnh bạo và thiết thực của Bùi Viện, nhiều vị đại thần lo rằng nếu không cản trở đi thì, một ngày kia, tất được nhà vua tin dùng mà đoạt mất cái ngôi cao quý của mình nên họ ngấm ngầm phản đối, khiến cho vua Tự Đức nhiều khi cũng bị cái dư luận sai lầm của triều đình Huế.

Tập dự án mà Bùi Viện thảo bằng mười năm quan sát và luân lạc bị vua Tự Đức tiếp nhận bằng câu phê nhạt nhẽo sau này:

"Đại ngôn bất năng, thị tội"

(Nói lớn mà không làm được, thì là có tội).

Những mấy hôm sau, hình như chợt tỉnh ngộ về cái nhầm lẫn của mình, nhà vua lại phê thêm:

"Ngươi nên tự cáng đáng lấy việc này. Nhưng trước nhất bàn với viên Bố chánh Thanh Hoá[1] *đã, rồi quyết định thế nào, cả hai người sẽ cùng tâu lên Trẫm xét".*

Công việc của Bùi Viện đã bước được bước đầu, nhưng là bước rất quan trọng, vì nhờ đó cái mộng tưởng tổ chức một đội thuỷ quân cho nước Việt Nam mà ông ôm ấp bấy lâu sẽ đổi làm sự thực.

Bùi Viện là người đã hiểu rõ cái tính do dự của vua Tự Đức, nên ông tự nghĩ muốn thành công, cần phải làm việc cấp bách, để cho phái thù địch không có đủ thì giờ âm mưu phá hoại.

Sau khi nhà vua phong cho chức Tuần tải nha Chánh quản đốc - một chức tương tự như Tổng trưởng bộ hải quân kiêm hàng hải và thương mại ở các nước dân chủ - Bùi Viện lập tức gửi bản chương trình dưới đây lên vua Tự Đức.

Bắt đầu tờ biểu tấu, Bùi Viện trình bày cái ý nghĩa việc lập thuỷ đội của ông, tuy là một đoạn văn bát cổ, song về việc dùng quân Bùi Viện không phải đã không có ý tưởng nhất định, sau này có thể làm mực thước cho các nhà quân sự.

---

[1] Bố chánh Thanh Hoá kiêm cả việc tuần tải.

Ông viết:

"Tướng là trọng khí của nước nhà, nếu rắn thì gãy, quyền trọng thì nguy. Binh là hung khí, bất đắc dĩ mà phải dùng. Bởi vậy, binh quý ở "tinh" mà chẳng quý ở "nhiều", tướng quý ở "mưu" mà chẳng quý ở "khoẻ". Binh cơ không nên độc dụng, tướng quyền không nên độc chuyên, điều cần thiết chỉ làm cho hợp lòng người. Về sự tuyển người, có người ném bút mà lập công, có người bỏ nhà mà thề chết. Có người đới tội mà lập công, có người can đảm mà thích đánh. Nên tuỳ tài, tuỳ dũng của từng người mà dùng cho phải cách, khiến họ được thoả lòng, thì các sĩ tốt chỉ đánh một trận đã thành công. Hễ gặp bước khó khăn, đã có tai mắt chân tay, vậy nên lấy "trí" làm tai mắt, lấy "dũng" làm chân tay. Sử dụng hợp phép, thưởng phạt công bằng thì trên dưới một lòng, mà ba quân gắng sức. Nếu thưởng người không có công thì ba quân oán giận; phạt người không tội thì sĩ tốt căm hờn. Bởi vậy, người có công, dẫu là kẻ thù, cũng thưởng cho; người có tội, dù là kẻ thân, cũng trừng phạt.

Thưởng không quá hạn, phạt không sai kỳ, thế mới là thưởng phạt đích đáng.

Điều thiết yếu của sự biết người chỉ ở chỗ thưởng phạt công bằng và cư xử xứng đáng.

Hành binh tất phải có lễ, xử nhân tất phải có thời. Như đi trước trông sau, đi sau trông trước, đi bên tả trông bên hữu, ngồi phân minh trên dưới, ăn uống không huyên náo, thấy của không tranh cướp, thấy sắc không rối loạn, như thế đều là lễ đó. Cái kế dụng binh cả thảy có sáu điều:

1) Binh sĩ nào kiêu căng, thì cho họ đánh trước;

2) Người nào tham lam, thì cho họ tranh cướp;

3) Người nào dũng cảm, thì cho họ đi tiên phong và hậu tập;

4) Người nào trung tín, thì cho họ làm gián điệp đi do thám tình hình bên địch, để mình biết rõ sự cơ mà bày trận mai phục và thi thố kỳ mưu.

5) Người nào già yếu, thì cho họ canh giữ kho tàng.

6) Người nào cường tráng, thì cho họ vận lương, gánh nước, kiếm củi.

Sáu điều ấy đều đủ thì một mệnh lệnh gì truyền ra cũng bền như vàng đá và đúng như bốn mùa, mà chẳng ai còn ý khác nữa.

Trong binh thư có nói:

"Chuyện hiệu lệnh, thông báo tin, chia rành thứ tự trước sau, khéo bày thế trận, tiến lui phải đường, mai phục cẩn thận, phải động cho đúng, tranh đoạt cho rành, biết rõ thiên thời, xét rõ địa lợi, nhận rõ nhân hoà.

Làm tướng, phải trước lập thân mình, rồi sau mới lập được quân mình, lại phải định kế sách, tuyển nhân tài, am hiểu việc binh nhưng mà gióng giả các sĩ tốt, năm tài (nhân, trí, dũng, trung, tín) gồm đủ, ba đức (khoan, từ, thiện) vẹn toàn, biết bày trận đồ mà trổ nhuệ khí, biết giàn tinh kỳ mà chia đội ngũ, sành gióng trống để lập nghiêm hiệu lệnh tinh, bắn súng để giữ vững đồn doanh, sắp sẵn binh thuyền để phòng khi tiến tiễu, chứa nhiều lương thực

để cấp dưỡng ba quân. Quân hiểu sắc mệnh, điều hoà nhân tâm. Như thế mới đáng mặt làm tướng".

Tôi được đảm nhiệm trọng chức của triều đình, ngày đêm ngẫm nghĩ, chỉ e không làm trọn phận sự. Nay tôi đã tâu xin chiêu mộ các thuỷ dõng và các viên dịch, đặt nha, đặt đồn, lập công ty đóng thuyền, chuyên liệu lý việc vận tải và việc tuần tiễu...

Trên đây là những điều đại cương để giữ mực thước cho nhà làm tướng,

Nhưng, trong khi hành binh, cũng như khi chiêu mộ quân sĩ, cần phải có quân luật nhất định để làm giới hạn cho quân.

Cái quân luật ấy không phải Bùi Viện không nghĩ đến và ông đã nghĩ đến một cách quá ư tỷ mỉ, khiến cho chúng ta - những người sinh sau gần một trăm năm - có thể tự hào rằng trong mạch máu của người Việt Nam đã không phải là không có một món thừa tự về thân rất quý giá.

Chương trình tổ chức của Bùi Viện là một cái cửa lớn mở rất rộng, để hoan nghênh cuộc hợp tác của quốc dân. Vì ông không chê một lực lượng nào trong nước mà không chú trọng đến.

Về việc chiêu mộ ông nói:

"Phàm những người có tài trí, có đức hạnh và muốn lập công danh, đều có thể tự xuất của nhà ra, chiêu mộ quân thuỷ dũng (*Tuần dương quân*) dùng về việc vận tải và tiễu trừ giặc bể, để mưu sự an trị cho Nhà nước. Những người đó chỉ phải kê khai danh sách những lính mà mình mộ

được và lấy chữ nhận thực của hương lý và chữ ký của các thân thuộc làm bằng. Nha Tuần tải sẽ xét hư thực, rồi thu dùng lập thành đội ngũ, đặt nha, đồn và chia từng hạng để bẩm về bộ cấp bằng và liệu việc sai phái. Nhưng đã ở trong thuỷ quân thì bất cứ vào đẳng, hạng nào cũng vậy, cần phải theo đúng hiệu lệnh để nghiêm quân lệnh.

Viên chiêu mộ sẽ noi theo thể lệ sau này:

Khoản thứ nhất - Phàm người có trí dũng, đức hạnh, bơi lội giỏi, thuộc đường bể, biết trước những lúc có thể xảy ra mưa gió, thông các phép tính mà muốn đăng vào đội quân Tuần tải thì cứ làm giấy tình nguyện, đề rõ họ tên, quê quán và có chữ ký của thân thuộc đảm nhận. Nha Tuần tải sẽ xem xét cẩn thận, rồi tuỳ tài bổ dụng và cấp bằng cho.

Khoản thứ hai - Người nào có đủ các điều kiện kể ở khoản trên, được bổ làm thuỷ binh thượng hạng; nếu chỉ được một nửa thì làm thuỷ binh trung hạng; người nào chỉ làm được một vài điều kiện thôi thì dùng vào thuỷ binh hạ hạng.

Khoản thứ ba - Thể lệ lương bổng của các thuỷ dõng và các viên dịch quy định sau này: Phàm những người đã có phẩm hàm, thì số lương bổng nhiều ít, tuỳ theo phẩm hàm: Chánh và tòng cửu phẩm, mỗi tháng được 15 quan; Chánh và tòng bát phẩm 18 quan; Chánh và trong thất phẩm 20 quan; Chánh và tòng lục phẩm 22 quan; Chánh và tòng ngũ phẩm 25 quan; Chánh và tòng tứ phẩm 30 quan: Điển ty 25 quan; Xuất đội 22 quan; Đội trưởng 20 quan; Thư lại 12 quan; Thuỷ binh thượng hạng 6 quan và

2 phương gạo; Thuỷ binh trung hạn 4 quan, 1 phương rưỡi gạo; Thuỷ binh hạ hạng 2 quan tiền và 1 phương gạo.

Khoản thứ tư - Phàm những người mộ được số thuỷ binh bao nhiêu, nha Tuần tải sẽ chia ra từng hạng, làm sổ tư vào bộ, đợi chỉ định thưởng. Người nào mộ được từ 15 đến 40 thuỷ binh thì được sung chức đội trưởng và được thưởng phẩm hàm; ai mộ được 10 thuỷ binh, thưởng hàm tòng cửu phẩm; 20 thuỷ binh chánh cửu phẩm; 30 thuỷ binh tòng phát phẩm; 40 thuỷ binh chánh bát phẩm. Người nào mộ được từ 50 đến 80 thuỷ binh trở lên thì được xung chức Chánh quản hay Phó quản, và được thưởng phẩm hàm; ai mộ được 90 thuỷ binh thì được thưởng hàm tòng ngũ phẩm; 100 thuỷ binh chánh ngũ phẩm; 200 thuỷ binh tòng tứ phẩm; 300 thuỷ binh chánh tứ phẩm.

Khoản thứ năm - Mỗi năm hai kỳ, vào mùa hạ và mùa đông, đều cấp phát áo quần cho các thuỷ binh.

Khoản thứ sáu - Mỗi năm bốn kỳ, mỗi kỳ cấp phát cho vợ con của mỗi thuỷ binh sáu quan tiền để cho họ có thêm tiền chi tiêu.

Khoản thứ bẩy - Nếu thuỷ dõng nào đã đăng vào ngạch tịch mà bỏ trốn thì nha Tuần tải trách cứ người chiêu mộ phải nã bắt giải nộp thuỷ dõng ấy để chiếu quân luật nghị xử; bằng không bắt được thuỷ dõng ấy thì người đứng chiêu mộ phải chịu trách nhiệm bồi thường tiền, gạo, quần áo mà trước kia Nhà nước đã cấp phát cho họ.

Bùi Viện đã nghĩ đến việc tổ chức, tất nhiên phải nghĩ đến việc thưởng, phạt. Vì quân không có thưởng phạt thì

lệnh không nghiêm. Mà lệnh đã không nghiêm thì đội quân của ông có đông và khoẻ đến đâu nữa, cũng không dùng được việc gì cả.

Về mục "phạt" Bùi Viện đã tỏ ra rất khắc nghiệt. Hiện thời, nếu ai đặt ra điều luật: "một tên lính, gặp trời mưa mà tranh một cái nón của dân bị khép vào tội xử tử" thì nhiều người sẽ phải rùng mình, rồi mỉm cười. Nhưng chúng ta nên nhớ luôn rằng thời của Bùi Viện là thời loạn, mà luật của ông là luật nhà binh.

Chém một người để muốn trật tự cho muôn nghìn người và gỡ cái hoạ bị ức hiếp cho dân, thì trong việc ác của Bùi Viện không phải là không có chỗ thiện.

Khoản thứ tám - Phàm quân lính đóng đồn trên bộ hoặc dưới thuyền, phải giữ hiệu lệnh nghiêm minh, quân cơ thân mật, sớm chiều luyện tập chăm chỉ, tu chỉnh khí giới, chuyên trọng canh phòng. Nếu người nào trễ biếng thì lập tức bị nghiêm trị.

Khoản thứ chín - Xuất quân đi đánh trận, cần phải cắt đặt rõ ràng theo đúng khuôn phép. Khi giao chiến với giặc, phải liệu theo chiều gió mà thúc thuyền tiến công: thuyền này gặp giặc thì thuyền kia tiếp ứng; nếu người nào không theo hiệu lệnh thì nha Tuần tải cứ chiểu theo quân luật mà trị tội ngay; rồi sau mới làm bản tấu.

Khoản thứ mười - Nếu binh sĩ nào gặp trời mưa mà lấy nón của dân để đội thì lập tức bị chém đầu để thị chúng. Huống chi, những tội nặng hơn như: tự tiện đốn cây, đẵn gỗ, xâm phạm điền sản của người, đốt phá điền sản của người, hoặc gian dâm trộm cắp, thậm chí chém càn bình

dân mà giả mạo là chém được thủ cấp giặc, binh sĩ nào phạm vào những tội ấy thì nha Tuần tải liền dâng bản tấu, xin chém đầu để làm gương cho kẻ khác.

Bùi Viện tuy ngặt về "phạt", nhưng trái lại ông rất trọng về "thưởng".

Về mục này, ông định:

Khoản thứ mười một - Khi ra biển giao chiến với giặc, nếu binh sĩ nào dám chèo thuyền mình chạy thẳng đến thuyền giặc, mà bắt sống được tướng giặc cùng quân giặc và lấy được thuyền của giặc dắt về, hoặc bắn phá, đánh đắm được thuyền của giặc thì binh sĩ ấy được thưởng bạc, cứ tính mỗi chiếc thuyền thưởng cho ba trăm lạng bạc, và được thưởng phẩm hàm. Nếu binh sĩ nào bắn đuổi thuyền giặc, mà tướng giặc cùng quân giặc trốn thoát hết cả, thuyền mình chỉ dắt được thuyền giặc về thì binh sĩ ấy được thưởng bạc, cứ tính mỗi chiếc thuyền thưởng ba trăm lạng bạc, còn thuyền giặc thì phải giải nộp, bẩm quan kiểm xét; chiếu số hóa vật, súng đạn trong chiếc thuyền giặc kia cả thảy có bao nhiêu, một nửa sung công, một nửa đem thưởng cho binh sĩ ấy. Nếu binh sĩ nào bắt sống được hay là bắn chết, hoặc chém được tướng giặc hoặc quân giặc; thì binh sĩ ấy sẽ được thưởng bạc, cứ tính mỗi đầu tướng giặc được thưởng một trăm lạng bạc, mỗi đầu quân giặc thưởng năm mươi lạng bạc. Nha Tuần tải xét lại mà làm bản tấu kể rõ tình hình xin chiếu lệ tuỳ công định thưởng phẩm hàm cho từng binh sĩ đã lập được công trạng để thị khuyến.

Trên đây mới là định đoạt công, tội của người sống.

Còn người chết? nghĩa là người đã hy sinh tính mệnh cho nghĩa vụ ở chiến trường?

Một người có khối óc đầy đủ như Bùi Viện, tất không khi nào quên hạng người ấy.

Chứng cớ:

Khoản thứ mười hai - Phàm những viên dịch và những thuỷ binh đi đánh trận bị bắn chết hoặc bị chết đuối đều được cấp tiền "tuất" chia ra từng hạng như sau: Những người đã có phẩm hàm: chánh và tùng cửu phẩm, mỗi người được 110 quan; chánh và tùng bát phẩm 120 quan; chánh và tùng thất phẩm 130 quan; chánh và tùng lục phẩm 140 quan; chánh và tùng ngũ phẩm 150 quan; chánh và tùng tứ phẩm 160 quan. Những người chưa có phẩm hàm: Chánh quản và Phó quản 140 quan; Suất đội 130 quan; Đội trưởng 120 quan; Điển ty 110 quan; thư lại và thuỷ binh 100 quan. Số tiền "tuất" sẽ do nha Tuần tải giao cho vợ con thân thuộc những viên dịch và những thuỷ binh đi đánh trận mà bị bắn chết hoặc bị chết đuối ấy đem về liệu tống táng. Nha Tuần tải lại còn đem tình hình làm tờ tư vào bộ, xin chiếu lệ gia tặng phẩm hàm cho người chết, nếu người chết ấy vốn đã có phẩm hàm, hay là thưởng ngôi "nhiêu" cho con trai hoặc cháu đích tôn hay em trai người chết hoặc cháu gọi người chết là chú, bác nếu người chết ấy chưa có phẩm hàm.

Khoản thứ mười ba - Phàm những viên dịch và thuỷ binh ốm chết hoặc sơ ý chết đuối, đều được cấp tiền "tuất" chia ra từng hạng như sau: những người đã có phẩm hàm:

chánh và tùng cửu phẩm 30 quan; chánh và tùng bát phẩm 40 quan; chánh và tùng thất phẩm 50 quan; chánh và tùng lục phẩm 60 quan; chánh và tùng ngũ phẩm 70 quan; chánh và tùng tứ phẩm 80 quan. Những người chưa có phẩm hàm: Chánh quản và Phó quản mỗi người được 80 quan tiền; Suất đội 60 quan; Đội trưởng 30 quan; Điển ty 30 quan; thư lại và thuỷ binh 20 quan. Nha Tuần tải giao tiền "tuất" cho vợ con thân thuộc những người chết ấy đem về liệu lý việc chôn táng và thờ phụng.

Gian dối là tính tự nhiên của số đông người trong quân đội cũng như trong bất cứ đoàn thể nào. Cái tệ gian dối sẽ là một con trùng độc phá hoại thật lớn, nếu người ta không liệu cách mà trừ nó trước.

Trong hình luật "Gia Long" kẻ phạm tội này bị trừng phạt rất nặng.

Nhưng mang luật Gia Long mà so sánh với điều luật dưới đây thì chúng ta có thể nói rằng về việc đức nghiêm khắc, Bùi Viện đã không chịu nhường ông thuỷ tổ nhà Nguyễn.

Khoản thứ mười bốn - Hiện đã mộ được mấy nghìn thuỷ dõng, lập thành đội ngũ, đường đường sát hạch, chia hạng ghi vào sổ, biên rõ từng người: họ tên là gì, bao nhiêu tuổi, quê quán ở đâu, sở trường nghề gì, ngày nào phái ra đồn sở nào, hoặc sai đi làm công vụ gì hiện nay ở tại nơi nào, lại bắt ký tên hoặc điểm chỉ đích xác để tiện kiểm soát. Nếu viên quản hoặc đội nào tự tiện cho thuỷ binh về nhà họ, hoặc sáng thay chiều đổi, giả danh hư ứng, hoặc

khi sai phái thì đem người nọ sai người kia, chỉ cốt đủ số mục mà thôi, nếu xét ra viên nào gian dối ẩn lậu như thế, từ một người lính trở lên, thì nha Tuần tải lập tức tâu xin chém đầu viên ấy, người nào phát giác sự gian dối liền được thưởng 100 quan tiền và được tư vào bộ thưởng cho hàm cửu phẩm để thị khuyến.

Khoản thứ mười lăm - Phàm thuỷ binh hoặc viên dịch ăn cắp hoặc nhũng lạm của công thì đề nghị trừng phạt tuỳ theo tội trạng: nếu người nào vì canh giữ chểnh mảng hoặc vì có gì khác đến nỗi làm thiếu mất của công, mà xét tính có chỗ đáng được giảm, thì người ấy phải đền đủ số tài vật thiếu mất kia và bị phạt suy (đánh bằng roi), nếu xét ra quả dụng tình làm thiếu mất hoặc lấy trộm của công, từ một đồng tiền trở lên hoặc từ một "hộc" thóc gạo trở lên thì nha Tuần tải tâu xin chém đầu người ấy để thị chúng".

Bùi Viện đã đặt ra điều luật dưới đây, để trừ cái tệ hà hiếp và nhũng lạm của dân chúng:

Khoản thứ mười sáu - Phàm quan lại hoặc thuỷ binh nào nhân đi sai phái việc công, ỷ thế bắt nạt lương dân và sách nhiễu tiền tài lương thực mà có người phát giác, đường đường cứu xét, nếu quả thật có tham tang hối lộ đích xác thì quan lại ấy hoặc thuỷ binh ấy phải trả lại người lương dân bị sách nhiễu đủ số tài vật kia và bị phạt suy 100 roi, nếu có phẩm chức thì bị cách khử chức dịch và bị khổ sai, nếu không có phẩm chức thì bị tước tịch, nghĩa là đuổi ra khỏi quân đội".

Trong mười sáu khoản trên, Bùi Viện đã tổ chức Tuần dương quân một cách rất chu đáo về phần "võ". Nhưng về phần "văn", hay nói cho đúng là phần "cai trị" của Tuần dương quân, Bùi Viện cũng không phải không chú ý đến. Hơn thế, ông đã định đoạt cho nó rất rõ ràng bằng cách dành riêng cho phần ấy tất cả một đoạn cuối của tập "Khoán ước":

Khoản thứ mười bảy - Nha Tuần tải mới thiết lập, cần tuyển bổ một viên Bát phẩm cùng hai viên Cửu phẩm và sáu viên Vị nhập lưu thư lại để làm việc công. Phàm người nào giỏi chữ nghĩa, tính toán mà tình nguyện vào tòng sự tại nha Tuần tải, thì cứ làm đơn tình nguyện, kể rõ họ tên, quán chỉ và lấy chữ lý dịch ký kết lên nộp. Sau đây sẽ sát hạch, nếu xứng đáng thì được cấp bằng bổ dụng và được tư vào bộ cấp lương bổng. Những việc trong nha Tuần tải, cần phải theo đúng phép công mà làm, và cần phải chăm chỉ; nếu người nào lười biếng hoặc nhũng lạm thì bị nghiêm trị chiểu theo luật pháp.

Ông muốn những người giúp ông sau này không có tham tâm.

Muốn thế chỉ có một cách: cho họ có tiền ăn tiêu đầy đủ.

Khoản thứ mười tám - Lương bổng của các nha thuộc viên dịch các ngạch thường không đủ cho họ chi dùng. Vả lại, Tuần tải là một nha mới thiết lập, việc công vừa nhiều, vừa nặng nề, nên phải chia hạng mà cấp thêm lương bổng cho các nha thuộc viên dịch, khiến họ có thêm được tiền và gạo để chi dùng: viên Bát phẩm và hai viên Cửu phẩm

cùng sáu viên Vị nhập lưu thư lại nha Tuần tải, ngoài số lương bổng cấp theo quốc lệ chung cho các ngạch, lại được cấp thêm lương bổng theo lệ mới, định riêng về ngạch Tuần tải nữa.

Theo quốc lệ hiện hành chung cho các ngạch: Bát phẩm: mỗi viên mỗi tháng được 1 quan tám tiền, gạo 1 phương 20 bát; Cửu phẩm 1 quan năm tiền, gạo 1 phương 10 bát; Vị nhập lưu thư lại 1 quan tiền, gạo 1 phương. Theo lệ mới định riêng về ngạch Tuần tải: viên Bát phẩm mỗi tháng được cấp thêm tiền 14 quan; Cửu phẩm 120 quan; Vị nhập lưu thư lại 10 quan.

Khoản thứ mười chín - Phàm tại nha, tại đồn, tại công ty, bất cứ người trong hay ngoài ngạch, người nào phát giác được sự gian dối tệ lạm gì, nếu quan trên xét ra đích xác thì người phạm tội bị trọng trị; còn người phát giác được, đem chia đôi: một nửa nộp lại nha Tuần tải, một nửa thưởng cho người phát giác.

Khoản thứ hai mươi - Đặt sở chuyên việc phát lương bổng cho các thuỷ dõng, giao cho viên Quản lý tài phú trông nom. Viên Quản lý tài phú mỗi tháng một lần bẩm chiểu về số tiền tài xuất nhập.

Những lính hầu và đầu bếp mỗi người mỗi tháng được lĩnh tiền công 8 quan, lại được nha Tuần tải cấp cho cơm ăn, áo mặc, cùng các thứ dùng hàng ngày.

Thảo ra khoản ước, Bùi Viện đã lập được một khuôn mẫu cho đội thuỷ quân ở trong tưởng tượng của ông. Nhưng muốn cho cái tưởng tượng ấy hoàn toàn thành sự thực, cần phải có người.

Riêng vấn đề mộ người - vấn đề cốt yếu trong việc tổ chức - đã làm cho Bùi Viện phải băn khoăn suy nghĩ.

Lấy dân quê ra làm thuỷ quân chăng?

Vô ích. Dân quê xưa nay chỉ quen cày cuốc, lương thiện tuy có thừa, nhưng tài cán không đủ. Vì công việc của Tuần dương quân sau này là chèo thuyền, bắn súng, và có lúc cần phải ra đấu gươm, thì vô với một hạng người xưa nay chỉ chuyên trị về nghề ấy mà ăn thịt người không tanh. Hạng ấy là giặc Tàu Ô hiện đương hoành hành ở mặt bể.

Dùng dân chài lưới chăng?

Hạng này chỉ có được một điều kiện: chèo thuyền. Nhưng lại không thiện về việc đánh giặc.

Lấy lính thường ra mà dùng chăng?

Bọn này có lẽ đánh được giặc - mà vị tất cũng đã ăn đứt được giặc Tàu Ô - nhưng lại khiếm khuyết về mặt thuỷ, mà kẻ chuyên nghệ dẫu có sức khoẻ vẫn chưa đủ, vì ngoài việc chèo lái ra lại cần phải am hiểu những lúc mưa, gió hay sóng, bão.

Sau hết, ông nghĩ muốn có Tuần dương quân được hoàn toàn đắc dụng, chỉ có cách là dùng giặc đánh giặc. Nói cho rõ hơn là mộ những giặc bể, không luận là người Trung Hoa hay người Việt Nam mà sung vào đội ngũ của Tuần dương quân. Bọn này lẽ tự nhiên là có đủ tất cả các điều kiện cần thiết mà Bùi Viện muốn cho Tuần dương quân của ông sau này có được.

Theo ý ông thì trong số những người đã bị Triều đình gác ra ngoài cái xã hội lương thiện và mệnh danh là "giặc bể", một số đông là những tay trộm cướp chuyên môn mà khối óc đã mù, lương tâm đã điếc; cần phải chém giết đi mới trừ được hoạ cho xã hội; trong số đó, hãn hữu vẫn có những người vì chân sa lỡ bước, vì bất đắc chí hoặc vì một vài cớ khác mà phải làm những việc bất lương. Với số người ấy, nếu triều đình mở lượng khoan hồng mà thu dùng để cho họ đới tội lập công thì họ chẳng do dự gì hết mà sẽ quay lại, trở nên những viên tướng hoặc tên quân đắc lực.

Hạng đó, ông cho là dùng được, nhưng khó dùng, cũng như đối với con ngựa dữ, có nước hay, nhưng bất kham. Song ngựa có hay mới được việc, còn sau này nó có bất kham hay không là tuỳ ở người cưỡi, cầm cương giỏi hay không giỏi.

Tự tin ở cái biết dùng người của mình, Bùi Viện xin Triều đình ân xá cho những tướng và quân giặc chịu ra hàng. Ông lại gửi cho tướng giặc bức thư sau này, đồng thời cũng là tờ chiêu yết dán ở các bến đò và cửa bể:

"Phàm người hào kiệt, tất phải hiểu lẽ phải trái mà quyết định việc làm.

Nếu việc làm chính đáng thì tất có danh vọng mà lập được công. Lợi chẳng cần phải nói đến tự khắc cũng có.

Xưa nay, những vị danh tướng đã bao người xuất thân ở chốn lục lâm. Bởi lẽ có khí phách không ai chịu uốn mình làm bề tôi mọi người, nên kẻ thì nương náu ở nơi hải

ngạn, người thì lẩn quất trong chốn giang hồ.

Rồi vì sự cần thiết phải nuôi người của hội, đảng mà lề lối thường không đủ nên anh em ra nhiều sự bất đắc dĩ mà phải làm tuy trong lòng vẫn áy náy, vì nó có hại đến sự sinh tồn của dân nước. Tuy nhiên, xông pha chỗ cung tên, sóng gió, cũng là việc rất can tràng; phải trải qua bao nỗi nguy hiểm mới cướp được hoá vật đem về, rồi đem dấm dúi bán rẻ, của đáng mười chỉ bán được một hai, trừ các khoản phí tổn về binh lính, thuyền bè, còn lại chẳng là bao nhiêu cả. Thế mà vì ta đến nỗi vợ con những thuỷ khách viễn thương phải kêu gào khóc lóc, những cô hồn hờn oán suốt đời.

Là người thức giả, anh em không thể đành lòng được.

Nay bản chức phụng chỉ Triều đình, liệu lý việc tuần tải, đặt đồn, mở bến, thật muốn cùng một vài bậc thức giả đem ý kiến trên đây hiểu dụ những tay thủ lĩnh, chứ chẳng muốn cùng với anh em chuốc oán, gây thù.

Mong rằng các anh em hãy bỏ lỗi nhỏ mà theo đường lớn, để cùng giúp nước yên dân.

Nếu việc vận tải được thông đồng, thì suốt từ miền Bắc đến miền Nam, thuyền buôn nhan nhản hàng hoá lưu thông, những mối lợi như cá bể, gỗ rừng, các nhà buôn sẽ cùng các anh em cùng hưởng. Như vậy, các anh em chẳng những lập được "danh" mà lại còn có cả "lợi" nữa. Không thế, tức là các anh em cố ý làm cừu địch với Triều đình.

Sau này Nhà nước sẽ có phen ra tay tuần tiễu thì danh mệnh tất sẽ không toàn được cả.

Vả, nếu sự giao thông trở ngại, thì các nước Tây phương sẽ đem hải quân hội tiễu. Đó há phải là điều lợi cho anh em ta ư?

Anh em nên nghĩ kỹ đến lẽ thuận nghịch và quyền xu sả; kẻ tri giả tất đã quyết định được rồi. Nếu anh em không bỏ qua những lời này mà sẵn lòng đến, thì chúng ta sẽ cùng nhau kết bạn "cùng thuyền". Chưa rõ tôn ý thế nào?"

Tờ chiêu yết của Bùi Viện là một bàn tay tế độ để cứu vớt cho những người đã lạc ra ngoài chính đạo. Tờ hịch truyền qua tay tất cả những tướng giặc bể Đông. Một số muốn về hàng, nhưng còn hồ nghi cái thái độ của Triều đình nên phái người dò xét rất cẩn thận. Nhưng thám tử này được Bùi Viện tiếp đãi một cách rất niềm nở nên mang những cử chỉ nhân đạo của họ Bùi về thuật lại với chủ tướng mình. Chỉ trong khoảng nửa năm, Bùi Viện đã mộ được linh hai ngàn quân, một nửa là dân chài lưới (700) và người Tàu (300) ở bến Trà Lý mà trước kia ông đã tâu với vua Tự Đức. Đội quân mới này được Bùi Viện trả lương rất hậu và Bùi Viện đãi một cách có lượng nên hăng hái muốn thi thố tài cán của mình.

Cái mà Bùi Viện ao ước trong bao lâu nay phút chốc đã thành sự thực.

*

* *

Đời của Bùi Viện, đến lần này nữa, lại gặp một cuộc biến thiên mà không ai ngờ tới.

Là một thư sinh, thoạt đầu ông chỉ mong mỏi một bước may mắn ở trường ốc để leo lên bậc thang võng lọng như tất cả các nhà thứ gia đương thời.

Không ngờ sự thất bại về khoa cử đã làm cho ông bỏ bút mà cầm gươm. Rồi được theo đòi Lê Tuấn can thiệp vào việc ngoại giao, ông nhận ra rằng cái nghĩa vụ của kẻ thức giả là phải chen chúc với người ngoại quốc, để giữ cho nước mình có địa vị xứng đáng trên hoàn hải. Lại nhân cuộc du lịch ở Tàu, Nhật và các nước châu Mỹ, ông hiểu rằng hai chữ "văn hiến" nó đã làm cho cái nguyên nhân tự phụ của các dân tộc Việt Nam và Trung Hoa trở nên không hợp thời. Nước muốn mạnh, trước nhất phải giàu, và câu cách ngôn "phi thương bất phú" bây giờ ông mới hiểu hết cái giá trị của nó.

Từ khi bị thất bại ở Mỹ về, Bùi Viện hết sức chú trọng vào việc công nghệ và thương mại. Nhưng đường lối không thông thì buôn bán tất phải đình trệ, nghĩa là trước khi khuyếch trương thương mại, ông phải giải quyết một việc mà trước kia ông không nghĩ đến là quét sạch những giặc cướp tung hoành ở mặt bể.

Chính cái ý nghĩ đó đã làm cho ông phải vất vả trong mấy năm trời. Mấy năm bôn tẩu ngược xuôi để khảo sát, để vận động và chỗ khó khăn nhất là để đánh đổ cuộc phản đối của bọn tiểu nhân mà ở nước nào và thời nào cũng có.

Sau rốt, ông đắc thắng: đội Tuần dương quân của ông đã có một tính cách rất kỳ quái là đổi một số giặc cướp làm

bề tôi đắc lực của triều đình và dùng những tên kẻ cướp hôm qua để dẹp những tên cướp hôm nay, hay nói cho rõ hơn, là Bùi Viện đã dùng giặc để dẹp giặc, một thủ đoạn quá ư táo bạo mà những kẻ tài thường không khi nào dám dùng đến.

Và cũng thủ đoạn ấy đã đẩy cậu thư sinh họ Bùi lên ghế Tổng trưởng bộ Hải quân kiêm Thuỷ sư đô đốc - nhưng dưới triều Tự Đức ghế ấy chỉ được một cái tên giản dị và tầm thường là Thương chính Tham biện kiêm Tuần tải nha chánh quản đốc.

Dưới quyền họ Bùi, triều đình đặt một tay võ cử là Đặng Văn Ứng với chức phó quản đốc nha này.

Vào chức chánh, phó quản, Bùi Viện dùng những tướng giặc xưa nay vẫn nổi tiếng là kiệt hiệt ở bể Đông. Dưới quyền bọn này, những chức đội trưởng ở suất đội phần lớn cũng là những tướng giặc cũ, võ giỏi, có can đảm và rất thiện về nghề thuỷ chiến.

Bùi Viện chia Tuần dương quân làm hai đoàn.

Đoàn thứ nhất họp toàn người Tàu và do tướng Tàu chỉ huy. Đoàn này lấy tên là "Thanh đoàn". Đoàn thứ hai chỉ gồm riêng có người Việt Nam, lấy tên là "Thuỷ dũng". Cả hai đoàn cùng thuộc quyền sai phái của Bùi Viện và Đặng Văn Ứng, những thượng tướng Tuần dương quân.

Bùi Viện đóng riêng hai trăm chiếc thuyền lớn, lập làm thuỷ đội.

Trong khoảng mấy tháng liền, không quản gió mưa và

vất vả, Bùi Viện thân đốc cho thuỷ dõng luyện tập ở cửa Thuận An và tuyên bố cho họ những hiệu lệnh riêng của thuỷ quân mà chính ông đã là tác giả.

Muốn cho quân lính hiểu các công việc trong phận sự, Bùi Viện lại mang quân luật mà diễn thành ca, bắt quân lính phải học thuộc lòng.

Bài dưới đây là cuốn "quân luật có vần" mà Bùi Viện đã bắt mỗi thuỷ quân phải để luôn ở đầu giường như cuốn thánh kinh để hàng ngày tụng niệm.

Trời Nam buổi thanh bình gặp hội,
Bể khơi còn chút bụi Tàu Ô.
Việc Nha Tuần tải ân cho,
Việc quân Tuần tải phải lo vẹn toàn.
Nghĩ muôn việc khó toan khi trước,
Phải làm ra thúc ước nghiêm minh.
Anh em trong toán mộ binh,
Cứ coi ước thúc tập tành cho hay.
Phải nhớ lúc sáng ngày quét rửa,
Rồi lại đem nghề võ tập rèn.
Súng, gươm bao chuốt cho liền,
Người nào việc ấy, chớ phiền bảo răn.
Từ lúc ngủ, khi ăn thong thả,
Riêng đồ binh, cứ giữ trong tay.
Ở đâu, ngồi, đứng có nơi,
Chớ nhiều quần tụ, chớ lời phù ngôn.

Còn những chỗ bể cồn sông cạn,
Lúc ra vào sóng dạn, buồm quay.
Xem trời, xem gió, xem mây,
Lanh chân, lanh mắt, lanh tay, mới vừa.
Thấy tàu giặc từ xa phải báo,
Hoặc đem treo đèn báo cho rành.
Lệnh truyền binh Hán, lính Thanh,
Bắt tàu, nạp súng cho nhanh bắn vào.
Giáp tàu giặc, tàu nào trước tới,
Kẻ cắm cờ, người lấy hương lô.
Tiền công lệ đã trọng thù,
Đồng đoạn giai bạn cũng cho hoa hồng.
Còn hoá hạng công đồng định thưởng,
Trước nhất tàu được thưởng 5 thành.
Còn thừa chia cả đoàn binh,
Mấy thành châm chước phân minh cũng đều.
Còn những chỗ thuyền neo bến đỗ,
Hoặc khi lên tỉnh, phố nơi nao.
Khi mua, khi bán ra vào,
Của dân chớ có tơ hào chi chi.
Phàm cờ bạc rượu chè cấm chỉ,
Cũng đừng điều hách khí đua tranh.
Anh em trong bọn thuỷ binh,
Chẳng nên cãi cọ phải trình người trên.
Đạo thầy tớ phải khuyên, phải dạy,

Việc quân cơ chớ lấy làm khinh.
Phép vua thưởng phạt công minh,
Dẫu thù chẳng bỏ, dẫu tình chẳng tha.
Việc Tuần tải làm ra việc được,
Nhờ ơn trên kẻ trước người sau.
Mấy lời nhắn nhủ gót đầu,
Từng người nhớ lấy, từng câu để lòng".

Cũng vào mùa thu.

Mặt cửa bể Thuận An phẳng lặng như làn cỏ xanh non trên những bãi lớn nửa là cát, nửa là sa bồi, ở liền ngay với mặt nước.

Đằng xa, mấy cồn cát trắng liên tiếp nhau, đứng chặn lấy tấm da trời xanh biếc, hình như cố ý ngăn đôi mặt nước với chân trời.

Trên đồn Hà Nhuận - một cái pháo đài xây trên một hòn đảo con nổi lên ngay giữa dòng Tiêu kim thuỷ - các triều thần đã đủ mặt. Giữa những chiếc áo nẹp đỏ và vàng là y phục thường cho quân lính, người ta thấy thấp thoáng những áo bào thêu rồng xanh, đỏ tím và đỏ thẫm của các quan văn võ đủ các phẩm tại triều đình Huế.

Phía ngoài đồn, dàn sau những khẩu súng đại bác bằng đồng mà nước da - xưa kia đỏ thẫm - nay đã bị thời gian làm hoen ố, người ta dàn đủ nghi trượng và kỳ sĩ, khiến người xem, ngoài cái đẹp của các màu lộng lẫy, nhận thấy vẻ oai nghiêm của cả một triều đại.

Theo với những tiếng súng thần công nổ đều đặn, vua Tự Đức thong thả từ dưới thuyền rồng bước lên đài, theo sau có các hoàng thân và quan hộ giá.

Cũng những tiếng súng ấy, người ta dùng làm hiệu "tiến binh" cho đội Tuần dương quân còn đỗ sau những cồn cát ở ngoài khơi.

Hai trăm chiếc chiến thuyền sơn đen, trên dàn đủ khí giới và kỳ sĩ, chia làm hai đội giống trống tiến vào. Bên tả là "Thanh dũng" quân Tàu mặc áo xanh, đội mũ vải, bên trái là "Thuỷ dũng" nón dấu, áo nẹp đỏ.

Đi đầu hai đội quân đó, chiếc tướng thuyền to lớn và nghiêm trang, nhanh chóng tiến vào trước đài. Một vị võ quan ăn mặc rất gọn gàng, khăn vải, áo giáp ngắn, bước lên. Viên tướng đó là Bùi Viện đến bái mệnh vua Tự Đức và được nhà vua trao sắc, ấn là những cái dấu hiệu để chỉ huy quân đội.

Sau khi được nhà vua ngự duyệt, Tuần dương quân lại nhanh chóng giương buồm ra bể, để chủ trương những công việc ở trong phận sự của nó là tuần tiễu và áp tải những tiền kho của Nhà nước.

Nhờ có đội thuỷ quân của Bùi Viện, lương tiền của Nhà nước chở từ Bắc kỳ và từ mạn Quảng Nam ra Huế, đến nơi không suy chuyển một ly nào.

Các nhà buôn bán trên mặt bể cũng nhờ đấy được yên ổn làm ăn.

Ngọn cờ tướng trên có thêu chữ "Bùi" phấp phới khắp miền duyên hải Việt Nam.

Không những nó đã mưu được sự trị an cho Nhà nước và các tư gia. Nó lại còn làm vinh dự cho một Chính phủ xưa nay không có một cái thế lực gì ở ngoài bể.

Tuy nhiên, nạn Tàu Ô vẫn không vì đó mà trừ được hẳn. Bọn giặc này vẫn rình đánh những thuyền buôn đi lẻ tẻ, không nhờ được sức hộ vệ của họ Bùi. Muốn trừ tiệt cái nạn này, viên chánh quản đốc nha Tuần tải phải cho Tuần dương quân chia ra từng tốp thuyền nhỏ, đỗ ở các cửa sông để chờ có tin cáo cấp thì cắt nhau đi cứu.

Tháng tư năm Tự Đức thứ 31, Tuần dương quân giao chiến với giặc Tàu ô ở hải phận Hà Tĩnh. Hai bên đánh nhau rất kịch liệt. Bùi Viện hạ lệnh cho quân mình lấy giẻ tẩm dầu, phóng hoả, ném sang thuyền địch. Giặc Tàu Ô bị lửa cháy, cấp bách phải thu quân chạy trốn. Bùi Viện bắt được một chiếc thuyền và 18 tên giặc cùng với khí giới, lương thực rất nhiều.

Sang tháng năm năm ấy, Tuần dương quân lại giao công một lần thứ hai nữa với giặc Tàu Ô ở hải phận Thanh Hoá, trong lúc giặc đón cướp một thuyền buôn của người Quảng Bình. Giặc thua, bị Tuần dương quân đuổi mãi đến hải phận Hải Nam (Tàu). Vì lo thoát thân, giặc Tàu Ô phải bỏ lại trong tay Bùi Viện một chiếc thuyền với nhiều xác chết, đạn dược và khí giới.

Trong hai cuộc huyết chiến này, Tuần dương quân đã

thương tổn mất một suất đội người Tàu và một thuỷ binh người Nam.

Bùi Viện lập tức bẩm về triều đình cấp tiền tử tuất cho hai gia quyến tử sĩ này và xin thưởng hàm và tiền tài cho những chiến sĩ đã tỏ ra hăng hái trong lúc giao chiến với giặc.

Muốn nhân cơ hội để khích lệ lòng quân, Bùi Viện cho mang di hài của hai người thuỷ dõng về Nam Định làm ma rất long trọng.

Hôm cất đám, ông hạ lệnh cho Tuần dương quân phải mặc nhung phục rất tề chỉnh, mang khi giới đi dàn trước linh cữu hai người. Còn chính ông và chức phó quản đốc là Đặng Văn Ứng thì mặc võ phục đi đưa. Đám tang đi qua các phố, được công chúng nô nức kéo nhau ra xem. Ai nấy đều phải tấm tắc khen phục cái tài tổ chức và trị quân của viên Thượng tướng họ Bùi, trước đây chỉ là một chàng "bạch diện thư sinh", đáng lẽ kiến thức không ra ngoài mấy bức trang sách của Khổng, Mạnh.

Khi tới nghĩa địa Khách[1] nơi chôn hai người thuỷ dõng, Bùi Viện cho thiết hương án và cắt các binh sĩ vào tế hai vị anh hùng, Bùi Viện thân vào chủ tế, và dứt mấy tuần rượu, ông cho đọc bài văn tế mà chính ông là trứ giả:

"Năm Mậu Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 31, ngày tháng tư.

---

[1] Người Hoa Kiều ở Việt Nam (B.T.)

Tham biện Thương chính lĩnh Tuần tải nha Chánh quản đốc Bùi... phó quản Đặng... cùng các binh sĩ trong các đội Tiểu đoàn, Thuỷ dũng quản giá, kính cẩn dùng tam sinh và các lễ phẩm, dâng trước linh toạ viên đối lệnh đội Tiễu thuyền Trần Tam Kỳ phủ quân, viên Thuyền dũng Thạch Minh Công rằng:

Người sống ở đời,
Tiếng thơm là trọng.
Chết mà phải nghĩa,
Chết cũng như sống.
Thuỷ dũng đoàn ta,
Hào hiệp cùng lòng.
Bắc Nam hợp sức,
Tuần tải việc chung.
Xa cậy oai vua,
Giữ yên mặt bể.
Bọn giặc tung hoành,
Dẹp yên không để...
Buồm giương thẳng cánh,
Thuyền chạy như bay.
Hải Nam tiến sát,
Đánh suốt đêm ngày.
Quân giặc cùng đường,

Chạy trốn như chuột.
Quân ta chí hăng,
Quyết đuổi theo suốt.
Ơn trên mong báo,
Ai nấy ra công,
Lưới trời dù thoát,
Giặc đủ chột lòng.
Duy có anh Trần,
Có tài xuất sắc.
Trước cả mọi người,
Nhảy sang thuyền giặc.
Lại còn anh Thạch,
Biết theo lệnh ta.
Tay không rời súng,
Ra sức xông pha.
Than ôi hai anh
Lòng sức như nhau.
Vô tình đạn lửa,
Bắn vào nhâu nhâu.
Há vì ham tước,
Há vì hám lộc,
Tấm thân ngàn vàng,

Bỏ đi một chốc.

Vì chưng trọng nghĩa,

Nên coi rẻ thân.

Mừng chưa ban chén,

Thưởng chưa mông ân.

Hỡi ôi mệnh chăng?

Làm sao thế nhỉ?

Nói đến hai anh,

Lòng riêng rầu rĩ.

Vài tuần rượu viếng,

Một mối tình sâu.

Hồn thiêng phách sáng,

Chứng giám cho nhau,

Ô hô! Thượng hưởng!

Các chính sách khôn khéo của Bùi Viện giúp cho Tuần dương quân càng ngày càng có thêm lực lượng mới. Vì sự hoạt động của Tiểu đoàn mà lúc nào ông cũng cầm lưỡi kiếm chỉ huy, khiến cho nhiều bọn giặc nhỏ xưa nay vẫn hoành hành ở miền duyên hải Thanh, Nghệ và An Quảng phải ngừng tay. Những thuyền buôn, xưa kia không có ai trông nom đến, nay mỗi lần ra bể đều có Tuần dương quân đi kèm. Mưu việc cướp bóc, giặc Tàu Ô thế tất phải chạm trán với quan quân. Mà mỗi một lần đánh là một lần thua nên những cửa bể mà trước kia chúng coi là phì nhiêu, nay

đã trở nên khó khăn, đến nỗi chúng không có hy vọng kiếm ăn được nữa.

Bị tình thế bắt buộc, nhiều bọn giặc bể phải bỏ hải phận Việt Nam mà quay trở về quấy nhiễu đảo Hải Nam và các thuyền buôn ở hải phận Trung Hoa.

Một phần khác chịu bó giáo ra hàng. Bọn này được Bùi Viện thu dùng và tuỳ tài cán mà cấp bằng sắc hoặc chức vị cho. Được viên Chánh quản đốc lấy lượng khoan hồng đối đãi, nhiều kẻ mới mấy hôm trước còn là những tên trộm cướp, giết người, bị xã hội ruồng bỏ, phải sống ra ngoài cái quốc dân lương thiện, nhất đán họ trở nên những nhân vật, tuy không cao quý, nhưng cũng được người ngoài tôn trọng thì trách gì họ không quên cái dĩ vãng của mình mà vui vẻ với cuộc đời mới.

Bọn này vốn là những người võ giỏi, có can đảm, lại tài nghề bơi lặn nên giúp được nhiều việc quan trọng cho Triều đình. Bùi Viện lại không bỏ qua một cơ hội nào mà không tìm cách khuyến khích và dẫn dụ cho họ theo con đường chính, nên chỉ ít lâu cái mầm yếu ớt của Tuần dương quân do ông gieo hạt, nay đã thành đội thuỷ dõng có dũng cảm, có kỷ luật, không bao nhiêu nữa sẽ trở nên một đội thuỷ quân đầy đủ như ý ông mong mỏi.

Vẫn noi theo cái chương trình trước đây ông đã dâng lên vua Tự Đức, Bùi Viện thoạt đầu lập chi điếm của nha Tuần tải ở Nam Định, tiếp ở Ninh Hải là hai thương cảng lớn ở Bắc kỳ.

Tại nơi này, ngoài chỗ lâu đài là chỗ làm việc của các quan chức của nha Thương chính, Bùi Viện lập ra kho chứa hàng, công ty để chủ trương việc buôn bán với nước ngoài. Trên sông Vị Hoàng và cửa Cấm, những thuyền có kéo cờ của nha Tuần tải qua lại trên mặt nước như lá tre, chen chúc với những thuyền buôn của Nhà nước và các tư gia, lại còn hàng trăm cỗ thuyền chiến bày khí giới và kéo cờ các sắc.

Trên bộ cũng như dưới mặt sông, người Tàu, người Nam, nhà buôn và lính, dắt díu nhau, xô đẩy nhau để mưu kế sinh nhai.

Hai thương cảng này bỗng dưng có một bức tranh hoạt động và sặc sỡ, khiến cho người trong nước có cái cảm tưởng như mình sống sang một cuộc đời mới.

Sau Bắc hà, Bùi Viện dần dần mở mang các chi điếm ở Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng và Quảng Nam.

Tại các tỉnh này, ông cũng dụng công tổ chức cho nha Tuần tải được đầy đủ như những tỉnh trên.

Mỗi việc làm của Bùi Viện là một bước tiến cho dân tộc Việt Nam trên quân sự và thương trường. Đối với ông, hai việc nói và làm đã đi liền được với nhau và chẳng nhường nhau một bước.

Tại Huế, Tuần dương quân là một đạo quân mới đã làm tăng vẻ oai nghiêm cho đô thành.

Kế chân cho đội lính quan phòng mà Bùi Viện đã xin

bãi bỏ, Tuần dương quân chia đóng các đồn rải rác ở mặt sông Hương.

Những đồn này hầu hết là xây bằng gạch, bốn góc có pháo đài coi kiên cố như những trái núi đỏ mà sắc gạch, vì dày dạn với gió bể đã lẫn với sắc đá.

Chung quanh đồn, Bùi Viện cho dàn súng đại bác. Trên đồn Tuần dương quân cắt nhau canh phòng. Cái hiệu lệnh rất nghiêm khắc của họ Bùi đã trái hẳn lối làm việc thờ ơ của những vị thuỷ sư và đô đốc xưa nay vẫn "làm gió bão" ở các cửa bể.

Tại kinh thành, trú sở của nha Tuần tải là lầu Thương Bạc.

Lầu này ở trên bờ sông Hương, chếch với Thượng tứ tức là cửa Đông Nam Hoàng thành.

Trong lầu, Bùi Viện đặt các phòng giấy của nha Thương chánh, đồng thời là bộ Tổng tư lệnh của Tuần dương quân. Từ lầu Thương Bạc cách cửa bể chừng vài chục dặm, và ngay trên mặt sông Hương, Bùi Viện có thể chỉ huy được cả Tuần dương quân và chủ trương các công việc của Chiêu thương cục, một công ty buôn lớn lập ở cửa Thuận An, mà số cổ phần một nửa là của người Tàu, một nửa là của triều đình Huế.

Chiêu thương cục có lẽ là công ty buôn lớn nhất từ trước đến giờ ở địa hạt Việt Nam và có người Việt Nam dúng tay vào.

Công ty ấy đã xuất ở óc sáng kiến của Bùi Viện.

Riêng một Chiêu thương cục có tới linh hai trăm chiếc thuyền qua lại Thanh hải[1] và các sông to, nhỏ ở Bắc và Trung kỳ.

Công việc của Chiêu thương cục là mang các nông hoặc lâm sản của xứ này như thóc, gạo, gỗ, khoáng sản sang bán ở Tàu, rồi từ đó người Tàu buôn đi Âu, Mỹ.

Từ Thượng Hải và Hương Cảng, Chiêu thương cục mua các thứ hoá phẩm của Tàu, Âu, Mỹ mang về bán buôn cho các nhà buôn nhỏ ở Hà Nội, Huế và các thị trấn khác ở địa phận Việt Nam.

Cuộc buôn đi, bán lại mà Bùi Viện là người đứng đầu, đã giúp được những mối lợi lớn cho dân nước và triều đình.

Đối với dân quê, nông sản dễ chỗ tiêu thụ, khiến cho việc làm ăn của họ được dễ dàng. Các hàng hoá nhật dụng, họ cũng nhờ ở Chiêu thương cục mà mua được bằng một giá rẻ hơn trước.

Với Nhà nước thì việc khuyếch trương về thương mại đã đưa lại cho công quỹ một món tiền rất quan trọng. Cái kết quả thứ hai này không khỏi làm cho Bùi Viện rất vui mừng. Vì từ khi ở Hoa Thịnh Đốn về, Bùi Viện không lúc nào quên rằng muốn cho nước Việt Nam đương đầu với ngoại quốc thì việc cần yếu hơn hết là phải giúp cho nó có một đội tối tân. Thứ quân đội ấy, chúng ta không thể tổ chức được nếu không có bàn tay giúp đỡ của nước ngoài, nghĩa là phải có nhiều món khí giới cực mới như súng

---

[1] Các vùng biển của Trung Quốc (B.T.)

ống, đạn dược, mà hiện người Việt Nam chưa chế ra được.

Ngoài ra, nước Việt Nam lại cần phải mở mang về công nghệ và nhất là về cơ khí để theo kịp cuộc tiến hoá của các nước Thái Tây.

Được như vậy, chúng ta phải có luôn đại biểu ở nước ngoài để giao thiệp với việc thông thương và đồng thời cũng phải phái học sinh ra ngoại quốc để theo đuổi các môn học về cách trí và khoa học là thứ các nước Đông phương hiện đương thiếu thốn.

Song trước khi làm những việc quan trọng nói trên, có một món cốt yếu mà triều đình cần phải trù liệu là tiền.

Để đi theo đồng tiền, Bùi Viện đã mất công suy nghĩ và không quản những sự khó khăn.

Bùi Viện vất vả về tiền. Nhưng trái với các công dụng thường của nó về thời bấy giờ, Bùi Viện muốn dùng đồng tiền để mua cuộc tiến hoá cho dân tộc Việt Nam.

Dụng ý của Bùi Viện ở đó. Cũng may, nhiều bạn đồng liêu của ông đã hiểu cái dụng ý của ông.

Ông đã hy sinh không uổng.

Người đời thường có tính phù thịnh. Những thành quả của Bùi Viện không những đã đè bẹp được những cuộc vận động phản đối của phái thủ, trái lại nó còn làm tăng cái danh vọng của ông trước triều đình Huế.

Trong dịp Bùi Viện chính thức nhận ghế Chánh quản đốc nha Tuần tải, nhiều bạn đồng liêu - nhất là những vị

đại thần đã che chở cho Bùi Viện ở Huế - đều có tặng câu đối để xưng tụng những tài cán và sự nghiệp của ông.

Dưới đây là câu đối của Nguyễn Tư Giản, Lại bộ Thượng thư, một trong những người đầu tiên đã nhận thấy cái tài lỗi lạc của họ Bùi. Trong một tờ biểu dâng lên vua Tự Đức trước đấy 5 năm để xin đổi lại phương hướng ngoại giao của nước Việt Nam mà chính Nguyễn Tư Giản là tác giả, viên Lại bộ Thượng thư này đã tình nguyện sang Âu châu và yêu cầu được Bùi Viện cùng đi.

Trong câu đối mừng họ Bùi, Nguyễn Tư Giản không khỏi biểu lộ những tình cảm của mình bằng những lời khen ngợi rất nồng nàn:

Lỗi lỗi lạc lạc, thanh thiên bạch nhật,

Chiến chiến căng căng, thâm xuyên, bạc băng.

(Tài lỗi lạc như da trời xanh, mặt trời trắng,

Ở luôn chỗ nguy hiểm như đứng trên vực sâu tuyết mỏng)

Của viên Biện lý La Ngạn:

Chức vụ đương kim suy tuấn kiệt,

Thành công tự cổ xuất thư sinh.

(Biết việc phải người trong tuấn kiệt.

Thành công xưa vẫn bực thư sinh)

Đỗ Huy Điển, Ngự sử:

Nhất kinh bạch nghiệp thiên tương đại,

Vạn lý trường phong hải dục bình.

(Hai tay ngang dọc xoay trời lại,
Muôn dặm xông pha dẹp bể yên)

Lê Ngọc Lâm, Tri huyện Đan Phượng:

Hùng khí trực hấp Tây giang thuỷ,
Dị ốc tương doanh Nam hải ba.
(Vẫy vùng khí mạnh thu sông lớn.
Chan chứa ơn trên tựa bể sâu).

Và của người trực tiếp giúp việc Bùi Viện là Đặng Văn Ứng, Phó quản đốc nha Tuần tải.

Hàn uyển chanh vanh chiêm vũ lộ,
Vân lâu sán lạn hạp liêu bằng.
(Vườn văn cao giá nhuần mưa móc,
Lầu mây lừng danh đẹp bạn bè)

Bùi Viện là một trong số người rất hiếm của hoạn giới, đã gây được cảm tình với nhiều giới khác, và nhất là với những người chẳng cùng giống với mình.

Sự quảng giao đó là ở chức vụ của ông. Vì phải chăng Bùi Viện là viên Thượng tướng bộ Hải quân kiêm Tổng giám đốc hai bộ Thương mại và Hàng hải.

Chính cái chức vụ đó khiến cho trong tập văn thơ mừng ông có cả câu đối của những công ty buôn lớn ở Huế, Hà Nội và Hương Cảng.

Của Nam Hoà Xương công ty (Hà Nội):

Hải thiếp ba đào bằng quốc phúc,
Thiên đê vũ lộ huý thần tâm.

(Nhờ phúc nước, bể yên sóng gió,
Thoả lòng tôi ơn đội móc mưa)

Và không biết bao lời xưng tụng khác của các thuộc hạ họ Bùi hoặc những người xưa nay vẫn sùng thượng cái tài của viên Chánh quản đốc nha Tuần tải, như:

Xích tâm báo quốc trùng dương ngoại,
Tử cấm thù tri ngũ tải gian.
(Báo nước lòng son muôn dặm bể,
Thân vua gác tía năm năm trời)

Sau hết bài thơ dưới đây của người đương thời gián tụng cái sự nghiệp của Bùi Viện:

Quảng Nam loan đạt Phú Lương hà[1]*,*
Tuần tải dương kim trọng thiết tha.
Hải hạng thiếp bình phong thuỷ phỉ,
Quân phương ước thúc tửu yên ca.
Cộng ngôn kinh túc lai nguyên thuỷ,
Mỗi đạo thương luân điệt chức toa.
Thành hiệu quả năng thù dị chí,
Vị tri cao hứng dã như hà.
(Từ vịnh Quảng Nam tới Phú Lương,
Đặt nha Tuần tải, đội Tuần dương.
Bể im sóng gió phường gian khấu,
Quân hưởng yên vui, trống hát mừng.

---

(1) Sông Phú Lương là sông Hồng

Đều nói thóc vua như nước chảy,
Cùng khen thuyền khách tựa thoi buông.
Ví chăng hiệu quả mà như nguyện,
Chưa biết còn vui biết mấy chừng)

Bùi Viện đã gây nên một sự nghiệp.

Ông chỉ còn chờ thu lấy cái kết quả tốt đẹp của nó.

Nói chờ, không phải là không mất công tiến hành mọi việc theo ý nguyện của mình. Nhưng cái công việc thứ hai này cố nhiên là không khó khăn và tổn tâm huyết như việc trên: việc tổ chức nha Tuần tải và Tuần dương quân.

Nhưng tạo vật đã không cho Bùi Viện được trông thấy cái kết quả của mình làm.

"Mưu việc ở người, thành việc ở trời", Bùi Viện lại là một vị anh hùng nữa, trong số những vị anh hùng đã không thắng nổi số phận!

Ông chết!

Hôm ấy là ngày mồng một tháng mười một năm Tự Đức thứ hai mươi mốt.

Bùi Viện đương ở Huế.

Ông mới ở Nam Định vào kinh được bốn tháng, ngày tháng 7 cũng năm ấy - theo lệnh triệu của triều đình.

Cả ngày mồng một ông vẫn mạnh khoẻ như thường - tuy những công việc vất vả ở trong phận sự không cho phép ông được nghỉ ngơi một phút nào.

Nhưng đến chập tối thì ông bị đau nhức ở khắp mình mẩy.

Đến nửa đêm, Bùi Viện chết.

Cái chết của Bùi Viện không ai ngờ, mà chính ông cũng không ngờ.

Tin ấy như một tiếng sét gieo mạnh xuống triều đình Huế. Vì mọi người cùng xây cái hy vọng tương lai của nước Việt Nam vào sự nghiệp của ông.

Ông mất, cái sự nghiệp ấy trở nên chênh vênh. Cho nên trong những câu đối của các vị đại thần phúng Bùi Viện sau này, bên cạnh sự thương tiếc, người ta nhận thấy cả cái ý tưởng lo ngại.

Và cái ý ấy, chúng ta sẽ thấy diễn ra một cách rõ rệt trong hai câu của Nguyễn Tư Giản.

Tha sinh hoặc vị vong gia quốc,
Tráng trí không lân phó hải sơn.
(Kiếp sau chưa dứt niềm nhà nước
Chí lớn đành đem gửi biển, non)

Của Nội các Tham biện Bùi Dị:

Thôn thanh do thảo đăng tiền sớ,
Tế chí nam thù hải ngoại du.
(Thoi thóp sớ dâng còn để lại,
Vẫy vùng chí lớn vội đem đi)

Của Hộ bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường:

Hiệp sơn siêu hải tri thuỳ kiện,
Ái quốc tư gia chỉ tự bi.
(Cắp non vượt biển ai là mạnh,
Yêu nước thương nhà nghĩ tự đau)

Các vị danh sĩ đương thời đối với Bùi Viện cũng không khỏi được sự thổ lộ mến tiếc bằng lời văn như:

Vân Đình Tiến sĩ Dương Lâm:

Danh vi nhân luy thường như thử
Sự dữ tâm vi khả nại hà.
(Danh để luỵ người, thường vẫn thế,
Việc không theo bụng, biết làm sao).

Của Yên Đổ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến:

Vi sở bất xăng vi, đàm tiếu không lưu hoành hải khí,

Cố bất thất vi cố, cầm thư khước ức thiếu niên du.

(Làm việc chẳng ai làm, dọc đất ngang trời, trơ chí lớn!

Cũ người là bạn cũ, ôm đàn mở sách, nhớ tình xưa!)

Của Hoàng Trí Tường và Nguyễn Duy Thanh:

Phả chi kiến thức ưu siêu, tây tắc Pháp nhân tùng, bắc tắc Thanh nhân tùng, thiên cổ tài danh, ưng bất quý,

Khả khám anh hùng tâm sự, hạ nhi Lê công bi, đông nhi Bùi công khốc, nhất thời nghĩa khí hướng thuỳ luân?

(Cho hay kiến thức ưu siêu, phương Tây người Pháp nể, phương Bắc người Tàu theo, so bậc tài danh không thẹn kẻ,

Ngán nỗi anh hùng mai một, mùa hạ ông Lê về, mùa đông ông Bùi mất, bàn câu nghĩa khí biết cùng ai?)

Và dưới đây là bài thơ của Phó bảng Vũ Văn Báo, người sau này đã không rửa sạch tiếng tăm vì một việc rất thương tâm là khi ông làm Tổng đốc Nam Định, bị các môn sinh ông Nghè Giao Cù[1] giết chết để báo thù thầy.

Hào khí đa quân cái cửu châu,
Cao Manh nhị thụ cánh hà cừu?
Ngâm tiên tuyệt vực, tâm do tráng,
Mãn níp kỳ thư, trái vị thù.
Lệ quán thanh tàn xuân thất cảm!
Phi linh mộng quá lệ viên sầu!
Linh sô quy ngã vô nhung giả,
Phong vũ hoài nhân chấp tải du!
(Hào khí ông đà khắp chín châu,
Hai thằng quỷ bệnh có chi thù?
Ngâm thơ trên ngựa, lòng còn mạnh!
Xếp sách đầy rương, nợ chửa bù!
Ngao ngán thềm xuân rơi giọt luỵ!
Mơ màng vườn lệ động lòng sầu!
Bó sô luống thẹn mình khôn giúp,
Mưa gió thêm buồn bạn cựu du!)

---

[1] Vũ Văn Báo là học trò của Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi, quê làng Giao Cù (Nam Định) đã báo cho Pháp bắt thầy học. Sau Báo bị chính các bạn học của mình bắt, rồi đem đốt sống để báo thù cho để báo thù thầy (B.T.).

Bùi Viện không những là một nhà nhiệt thành ái quốc. Ông là người có kỳ tài. Nhưng muốn biết cái địa vị của ông ở trong con mắt người đương thời thế nào, tưởng chỉ có đọc bức trướng dưới đây của các nha thuộc nha Tuần tải phúng ông, khi cử hành tang lễ.

"Dưới trời, chỉ có người kỳ tài mới làm được những việc mới lạ: những kẻ kiến thức tầm thường, nếu được ở trong cửa những người đó, cũng là một việc đáng mong mỏi lắm rồi. Huống chi, lại trực tiếp can thiệp đến những việc lớn của Nhà nước, là ngoài chỗ mọi người có thể lo toan được.

Là những người giúp việc dưới trướng quan Tham biện, chúng tôi không khỏi nhận thấy đời ông những chỗ bất thường: đương ở chức Trước tác, ông đổi sang việc Thương chánh; đương ở Thương chánh ông đổi sang việc Tuần tải, khiến cho ai nấy đều phải ngạc nhiên. Rồi chiêu mộ binh sĩ, thu thập lương tiền, toàn là những việc ông đã làm một cách rất khôn khéo, một người khác không tài nào làm nổi. Chúng tôi bàn riêng với nhau: "Được thấy những chuyện lạ, cũng là một việc sướng trong đời!

Không ngờ vừa được một năm thì ông qua đời.

Than ôi, nếu tạo vật lưu ông thêm ít ngày nữa, biết đâu ông chẳng có một sự nghiệp vĩ đại như họ Quản nước Tề và họ Lưu đời Đường và những kỳ tài trong trời đất..."

Nhưng công việc của Bùi Viện có chỗ lạ nhất mà rồi ra người ta mới nhận thấy là việc ông xây đắp nên, sau này không ai có thể kế tiếp được nên tự nó đã bị huỷ hoại.

Tuần dương quân của Bùi Viện, như trên đã nói, hầu hết là mộ trong những giặc bể mà lương tâm đã bị tiêu tán, vì những việc tàn ác như cướp của, giết người.

Bùi Viện sở dĩ chỉ huy được họ là vì ngoài việc tỏ tài cho người ta phục, lấy lượng cho người ta cảm, ông lại biết dùng đồng tiền mà lung lạc họ. Chứng cớ là sau khi ông chết, triều đình đã nhận thấy rằng trong số tiền do ông quản cố, đã tụt đi tới 36 vạn quan.

Vì không có một người thứ hai có đủ tài trí như Bùi Viện mà thừa tự những công việc ông làm nên mấy hôm sau khi được tin ông chết, một số lính Tàu (Thanh dũng đoàn) lúc đó đương tải tiền ở bể, liền quay mũi thuyền lên phương Bắc mà cướp cả tiền kho, trốn sang Tàu.

Tình cờ, cũng trong chuyến này, có Bùi Lạp là em nhỏ của Bùi Viện (17 tuổi) thay anh đi trông nom.

Bọn lính Tàu định ném Bùi Lạp xuống bể cho mất tích, nhưng chúng lại nghĩ đến tình Bùi Viện đối với chúng khi trước mà cho cậu bé này ở yên dưới thuyền, rồi chở cả sang Tàu.

Tuy vậy cậu bé Bùi Lạp cũng chẳng đến nỗi quá khờ khạo như chúng đã tưởng lầm.

Tới Quảng Châu, Bùi Lạp lẻn lên bờ, báo việc này tới nhà đương cục Trung Hoa.

Bọn lính làm phản bị bắt quả tang, lập tức bị chết ở lưỡi gươm của quan lại Tàu. Những tiền kho cũng nhờ đó mà trở về quyền sở hữu của triều đình Huế.

Nhưng Bùi Lạp đã thấy tiền đồ mà chán ngán, không muốn về nước nữa.

Ông lưu lại làm ăn ở bến Châu Trường, huyện Hợp Phố, tỉnh Quảng Đông.

Sau này, Bùi Lạp thường có thư tín đi lại với Nguyễn Tư Giản và gửi báo chí mới ở ngoại quốc về cho viên Lại bộ Thượng thư.

Bùi Lạp vô tình đã thành tai mắt của người Việt Nam ở Tàu.

Bài thơ dưới đây của Nguyễn Tư Giản gửi cho Bùi Lạp có lẽ là sợi dây bất hủ đã nối tình thân mật của đôi bạn hiện nay cùng thành người thiên cổ:

Bách ưu như hiệu thảo,
Liên nhật vũ thành trung.
Hoạn hải đầu tương bạch,
Thanh sơn mộng dĩ không.
Song tiêu thần khí lực,
Lô hoả huyết quang hồng.
Hốt ức Châu Trường khách,
Thiên nhai ngọa nhất bồng)

(Nỗi buồn như cỏ nát nhàu,
Gieo mưa trời lại trêu nhau mấy ngày.
Bạc đầu trong bể hoạn này,
Non xanh tìm thú lòng nay mơ màng.
Cảnh trời kia nhuộm mưa sương,

Lửa lò kia nhuộm huyết quang hồng hồng.
Châu Trường nhớ khách tâm đồng,
Bên trời nằm khểnh chiếc bồng phong lưu)

*

* *

Bùi Viện chết. Ông để lại một chỗ rỗng cho triều đình Huế, vì sự nghiệp của ông không ai thừa tự nổi. Đồng thời, ông cũng để lại một chỗ rỗng tại kho tàng Huế, vì số tiền do Bùi Viện quản cố đã hụt mất 36 vạn quan.

HẾT

PHAN TRẦN CHÚC
TUYỂN TẬP TRUYỆN LỊCH SỬ
* * * * * *

BÙI VIỆN VỚI CUỘC DUY TÂN CỦA TRIỀU TỰ ĐỨC

Chịu trách nhiệm xuất bản
AN CHƯƠNG
Biên tập
NGUYỄN VĂN TOẠI
NGUYỄN BÍCH NGỌC
Sửa bản in
NGUYỄN BÍCH NGỌC
Bìa và trình bày
NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 8555812. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 889-CXB/284-VHTT và giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 889/CXB của Cục xuất bản ngày 16-8-2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001.

Tủ sách

LỊCH SỬ và VĂN HÓA Việt Nam

Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức







Giá: 12.500đ